

TỜ TRÌNH

Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: "Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý"; "Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật"; Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn "Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế...".

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDĐNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây đã tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế SDĐNN nói riêng. Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong thời gian tới nhằm

tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cụ thể như sau:

- Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *"Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta"*; và đưa ra giải pháp: *"Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao..."*; *"Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế..."*.

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã nêu giải pháp: *"Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích"*.

- Tại Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *"Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị"*; *"rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững"*.

- Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: *"...Rà soát chính sách pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDDPNN) và thuế SDDNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp..."*.

- Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: *"...Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa... Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết..."*.

- Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *"Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong"*

lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn”.

- Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã quy định về khuyến khích đầu tư sử dụng đất đai: “Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn” (Điều 8); “Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp” (khoản 3 Điều 192).

- Tại Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, yêu cầu không được: “chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ”; Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: “...Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan đến ngân hàng, tài chính... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất”; Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”); Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật”); Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền, lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

- Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp: “Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại”.

- Tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính: “Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn”.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần

Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân”.

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN trong thời gian qua

Chính sách thuế SDDNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDDNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDDNN vượt quá hạn mức diện tích đất.

Theo quy định của Luật Thuế SDDNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDDNN. Đối tượng chịu thuế SDDNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDDNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó, hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế tính bằng kg thóc/ha quy định riêng đối với từng loại đất: Đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 50 kg đến 550 kg thóc/ha; Đất trồng cây lâu năm từ 80 kg đến 650 kg thóc/ha; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm bằng 1,3 lần thuế đối với đất trồng cây hàng năm cùng hạng 1, 2, 3 và bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: thuế SDDNN tính bằng 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường tại địa phương).

Luật Thuế SDDNN quy định việc miễn, giảm thuế SDDNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó

khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2001-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là giải pháp có tác động lớn, quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố không thể tách rời, có vai trò, vị trí trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển KT-XH. Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp (như đã nêu tại điểm 1 mục này), trong đó có chính sách miễn thuế SDĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan

tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là quỹ đất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiện nay còn nhiều tồn tại. Tổ chức kinh tế tập thể¹, đặc biệt là hoạt động phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ², chủ yếu phát triển theo chiều rộng, không đồng đều giữa các địa phương, hiệu quả thấp và sức cạnh tranh chưa cao³, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khá khiêm tốn. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy hiện cả nước có khoảng trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, một con số rất khiêm tốn so với tổng số trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở nước ta. Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5,5% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó có khoảng 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với các tổ chức trực tiếp SDDNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo nhằm hỗ trợ, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. Tiếp tục góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định KT-XH

An ninh lương thực quốc gia là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, đặc biệt nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn từ tình hình thương mại toàn cầu biến động, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, quá trình công nghiệp hóa. Một trong các mục tiêu đến

¹ Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 62.

³ Theo báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, tính đến năm 2023, cả nước có 20.500 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 66,7% tổng số hợp tác xã hoạt động với hai mô hình chủ yếu là hợp tác xã kinh doanh tổng hợp và hợp tác xã chuyên ngành.

năm 2030⁴ để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia là nâng cao hiệu quả SDDNN, giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tập trung đất đai trong nông nghiệp là một xu thế tất yếu để đưa sản xuất nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa, tập trung có quy mô lớn, có liên kết chặt chẽ, có kế hoạch và phân phối lợi ích hài hòa giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Kinh nghiệm đối với tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất hàng hóa tại các nước trên thế giới⁵ cho thấy các quốc gia đều có đặc điểm chung là quản lý thông qua tác động chính sách tới SDDNN cho phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, các hỗ trợ chính sách tài chính của Nhà nước là phổ biến, thực tiễn và có hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đang dần được cải thiện về quy mô và chất lượng nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do việc đất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún, phân tán nhỏ lẻ, đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trong những năm qua, việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia tập trung vào chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Pháp luật về đất đai và các pháp luật có liên quan đã tạo hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho quá trình tập trung đất đai, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Đặc biệt, chính sách pháp luật đất đai⁶ quy định về “tập trung, tích tụ đất nông nghiệp” được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả hơn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trong lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN trong thời gian tới sẽ là một trong các chính sách tài chính hữu hiệu của Nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập trung, quy mô lớn, từ đó cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta những năm tới.

⁴ Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

⁵ Nhà nước có chính sách đất đai để tạo điều kiện cho quá trình tập trung ruộng đất nhằm hình thành các mô hình trang trại có quy mô lớn (Mỹ, Hà Lan); Nhà nước có chính sách hỗ trợ về tín dụng, tài chính đối với các mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản).

⁶ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, SDDNN theo hướng mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền SDDNN lên không quá 15 lần hạn mức giao đất tại địa phương. Mở rộng đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Bổ sung quy định về các hình thức tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp, cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất đối với các dự án tập trung đất nông nghiệp.

2.4. Tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Xác định nông nghiệp là lợi thế quốc gia, mục tiêu đến năm 2045 của Việt Nam⁷ là nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, có giá trị gia tăng, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới.

Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nằm trong nhóm 15 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á⁸. Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDDNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính cho thấy: Giai đoạn 2001-2010, giai đoạn đầu thực hiện miễn, giảm thuế SDDNN, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ 1 con số đã tăng lên 2 con số: Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 4,7 tỷ USD; năm 2005, đã tăng lên 8,5 tỷ USD, gấp 2,1 lần năm 2001; năm 2007 đạt 10,9 tỷ USD và đến năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD (tăng gần 5 lần so với năm 2001).

Giai đoạn 2011-2018 (giai đoạn tiếp tục mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế SDDNN và tiến tới miễn thuế SDDNN), kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam lọt vào top 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD. Đến năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt khoảng 40,5 tỷ USD (tăng 10 lần so với năm 2001). Trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2019, 2020 vẫn đạt con số ấn tượng 41,2 tỷ USD.

Giai đoạn 2021-2023 (giai đoạn kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN theo Nghị quyết số 107/2020/QH14): Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng từ 48,70 tỷ USD (năm 2021) đến 53,22 tỷ USD (năm 2022, 2023).

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt

⁷ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁸ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với phạm vi và cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do là cơ hội lớn đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam trong lĩnh vực nông sản, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch⁹ của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp (như biến đổi khí hậu, liên kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường,...) đã khiến cạnh tranh xuất khẩu nông sản trở nên khốc liệt hơn. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là một giải pháp khuyến nông cần thiết để nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

2.5. Tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và cư dân nông thôn¹⁰.

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển KT-XH của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng hơn 60% lực

⁹ Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, môi trường, xuất xứ... hoặc áp đặt thuế nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước. Các biện pháp này hiện được các nước gia tăng sử dụng như giải pháp ứng phó với tác động suy thoái sau dịch Covid-19 và các rủi ro tiềm tàng từ các yếu tố biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

¹⁰ Nghị quyết số 19-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn¹¹, năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDDNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

2.6. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế

Thông lệ quốc tế cho thấy, phần lớn các nước có quy định về thuế SDDNN. Một số quốc gia (*Albani, Armenia, Ai Cập*) có sắc thuế riêng đánh vào đất nông nghiệp, trong khi một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng đánh thuế bất động sản (BDS) (*như: Canada, Argentina; Chi lê, Mêxicô, Ấn Độ*). Một số ít nước ban hành Luật Thuế riêng về SDDNN tương tự Việt Nam (*như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba Lan, Trung Quốc...*).

Mặc dù việc SDDNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDDNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...*); quy định miễn thuế SDDNN (*như: Cộng hòa Ai-len, Anh*). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BDS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp¹². Một số quốc gia OECD không đưa BDS nông nghiệp vào cơ sở tính thuế BDS¹³. Ở Canada và Hoa Kỳ, đất nông nghiệp không được miễn thuế, tuy

¹¹ Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 đạt 52,4 triệu người, trong đó, lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%, khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%.

¹² Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BDS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

¹³ Phần Lan, Đức, Hungary, Ai-len, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Slovenia, Thụy Điển, Anh.

nhiên, BDS nông nghiệp thường nhận được hình thức ưu đãi khác¹⁴. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp¹⁵, trợ cấp nông nghiệp¹⁶ thì miễn thuế SDDNN được các nước sử dụng như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Việc miễn thuế SDDNN không trái với các quy định về trợ cấp tại các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã đàm phán, ký kết¹⁷, trong đó có Hiệp định EVFTA và CPTTP.

Như vậy, việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

Từ những phân tích nêu trên, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDDNN.

- Đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế.

¹⁴ Ví dụ như tại Canada, một trong những phương thức mà chính quyền bang hỗ trợ cho nông dân là thông qua "Chương trình thuế trang trại", nếu chủ sở hữu trang trại đáp ứng điều kiện của chương trình thì phần đất trang trại chỉ chịu thuế không quá 25% mức thuế suất mà chính quyền nơi đó quy định.

¹⁵ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

¹⁶ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

¹⁷ Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDDNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của "hộp xanh lá cây". Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDDNN.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Pháp luật về đất đai quy định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất là một biện pháp được sử dụng phổ biến nhằm duy trì được sinh kế lâu dài; khuyến khích việc cải tạo, bảo vệ đất, khai thác, sử dụng đất đai bền vững và hiệu quả, đồng thời tạo nguồn thu cho NSNN, là công cụ để Nhà nước quản lý đất đai, điều tiết thị trường BĐS.

Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết theo các nguyên tắc sau:

a) Việc xây dựng dự án Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013; thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

c) Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định việc: (i) Kéo dài thời gian miễn thuế SDDNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14; (ii) Hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết là:

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình SDDNN;
- Cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 11/12/2024, UBTVQH đã thông qua Nghị quyết số

59/2024/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025. Theo đó, dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN đã được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN và gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Công thông tin điện tử Chính phủ và Công thông tin điện tử Bộ Tài chính. Các ý kiến đóng góp đã được Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Ngày 14/02/2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 61/BCTĐ-BTP thẩm định dự án Nghị quyết. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- **Điều 1:** Quy định về kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN được quy định tại các Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14, Nghị quyết số 107/2020/QH14.

- **Điều 2:** Quy định về điều khoản thi hành từ ngày 01/01/2026.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Chính sách thuế SDDNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang miễn thuế đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Đánh giá chính sách thuế SDDNN qua hơn 30 năm thực hiện cho thấy đến nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền) và phần lớn các nội dung hiện không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDDNN cho toàn bộ diện tích đến hết ngày 31/12/2025. Chính sách thuế SDDNN mặc dù được ban hành từ năm 1993 nhưng thực tế, từ năm 2001 đến nay, chính sách thuế SDDNN chỉ thay đổi về quy định ưu đãi thuế (miễn, giảm) nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nguồn thu từ thuế SDDNN rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp một phần

nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp (số thu chỉ chiếm khoảng 0,00057% tổng thu NSNN năm 2023). Việc miễn thuế SDDNN trong thời gian qua mặc dù làm giảm thu NSNN (tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2001-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm) nhưng đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDDNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO. Việc miễn thuế SDDNN thời gian qua chưa gặp vướng mắc phát sinh. Các địa phương đều cho rằng việc tiếp tục miễn thuế SDDNN như quy định hiện hành cho giai đoạn tiếp theo là cần thiết.

Do đó, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành VBQPPL¹⁸, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội để kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDDNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 đến hết ngày 31/12/2030.

2.2. Đánh giá tác động của dự án Nghị quyết

a) Tác động tích cực

Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN đến hết năm 2030 sẽ không làm giảm thu do đây là chính sách đang được thực hiện trên thực tế. Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế SDDNN như quy định hiện hành đến hết ngày 31/12/2030 thì số thuế SDDNN được miễn khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Đây sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp, góp phần khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát

¹⁸ Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

triển bền vững. Đồng thời, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, đảm bảo tính khả thi của chính sách.

b) Tác động tiêu cực

Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN đến hết năm 2030 không có hạn chế đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDDNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDDNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

c) Tác động về thủ tục hành chính và bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không quy định về thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới, do đó không phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và không gây bất bình đẳng về giới.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH, SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung chính sách được đề xuất tại dự thảo Nghị quyết đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDDNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của “hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/01/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDDNN.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các VBQPPL hướng dẫn thi hành Nghị

quyết phù hợp với quy định của Nghị quyết và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan. Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết và các VBQPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu trình kèm: Tờ trình tóm tắt về xây dựng dự án Nghị quyết; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế SDDNN; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế SDDNN với các VBQPPL có liên quan; Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia về dự án Nghị quyết; Bàn chụp ý kiến góp ý của các cơ quan; Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết về miễn thuế SDDNN; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CST (8 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH TÓM TẮT

Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

- Các Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo hướng bền vững; rà soát chính sách pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế SDDNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp; sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp (Kết luận số 54-KL/TW, Kết luận số 36-KL/TW, Kết luận số 81-KL/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW).

- Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã quy định về khuyến khích đầu tư sử dụng đất đai: "Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn" (Điều 8); "Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp" (Khoản 3 Điều 192).

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ, giải pháp sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn (Quyết định số 124/QĐ-TTg, Quyết định số 537/QĐ-TTg).

2. Cơ sở thực tiễn

Chính sách thuế SDDNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDDNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN năm 1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDDNN vượt quá hạn mức diện tích

đất.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDDNN được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Theo quy định hiện hành thì thuế SDDNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN cho thấy, tổng số thuế SDDNN miễn, giảm giai đoạn 2001-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là giải pháp có tác động lớn, quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN như quy định hiện hành là cần thiết xuất phát từ các lý do sau:

Một là, tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Hai là, tiếp tục góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định kinh tế - xã hội (KT-XH) thông qua đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập trung, quy mô lớn.

Ba là, tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng bảo hộ mậu dịch của các nước trên thế giới.

Bốn là, tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Năm là, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế về hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nông nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông

ng nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SĐĐNN, đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng dự án Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013; thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

- Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SĐĐNN và gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính. Các ý kiến đóng góp đã được Bộ Tài chính tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ.

Dự án Nghị quyết đã được hoàn thiện sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ về dự án Nghị quyết.

IV. BỒ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. BỒ CỤC:

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- **Điều 1:** Quy định về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN được quy định tại các Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14, Nghị quyết số 107/2020/QH14.

- **Điều 2:** Quy định về điều khoản thi hành từ ngày 01/01/2026.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Đánh giá chính sách thuế SĐĐNN qua hơn 30 năm thực hiện cho thấy đến nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền) và phần lớn các nội dung hiện không còn được áp dụng trên thực tế do thí hành chính sách miễn thuế SĐĐNN cho toàn bộ diện tích đến hết ngày 31/12/2025. Chính sách thuế SĐĐNN mặc dù được ban hành từ năm 1993 nhưng thực tế, từ năm 2001 đến nay, chính sách thuế SĐĐNN chỉ thay đổi về quy định ưu đãi thuế (miễn, giảm) nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong

việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua chưa gặp vướng mắc phát sinh.

Do đó, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội đề kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 đến hết ngày 31/12/2030.

3. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết

a) Tác động tích cực

Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2030 sẽ không làm giảm thu do đây là chính sách đang được thực hiện trên thực tế. Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành đến hết ngày 31/12/2030 thì số thuế SDĐNN được miễn khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Đây sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp, góp phần khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững. Đồng thời, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp.

b) Tác động tiêu cực

Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2030 không có hạn chế đáng kể nào đo hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN sẽ không làm tăng số thu ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định/.

BỘ TÀI CHÍNH

Nghị quyết số: ... /2025/QH15

DỰ THẢO 4**NGHỊ QUYẾT**

Về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp số 23-L/CTN;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**Trần Thanh Mẫu**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện
chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp**

(Kèm theo Tờ trình số 42/TTr-BTC ngày 24/02/2025 của Bộ Tài chính)

Nhìn từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương Khoản 100 đến Khoản 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyên nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.*

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Dưới đây là đánh giá cụ thể tình hình thực hiện chính sách thuế SDĐNN:

1. LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Chính sách thuế SĐĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SĐĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SĐĐNN vượt quá hạn mức.

Theo đó, chính sách thuế SĐĐNN hiện hành quy định:

- Về đối tượng chịu thuế: tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SĐĐNN. Đối tượng chịu thuế SĐĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng.

- Căn cứ tính thuế SĐĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

+ Diện tích tính thuế SĐĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính do Nhà nước quản lý. Trường hợp chưa lập sổ địa chính thì diện tích tính thuế là diện tích ghi trên tờ khai của hộ sử dụng đất.

+ Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Chính phủ quy định tiêu chuẩn hạng đất tính thuế. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

+ Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: Bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Hộ SĐĐNN vượt quá hạn mức diện tích theo quy định của Luật Đất đai, thì ngoài việc phải nộp thuế theo quy định của Luật còn phải nộp thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức. Mức thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức bằng 20% mức thuế SĐĐNN. Mức thuế SĐĐNN để tính thuế bổ sung là mức thuế ghi thu bình quân của hộ gia đình SĐĐNN.

- Về thu thuế và nộp thuế:

Sổ thuế được duyệt là căn cứ để thu thuế. Thuế nộp mỗi năm từ 1 đến 2 lần theo vụ thu hoạch chính của từng loại cây trồng ở từng địa phương. Thời gian nộp thuế do UBND cấp tỉnh quy định. Trước thời hạn nộp thuế ít nhất là 10 ngày, cơ quan trực tiếp thu thuế phải gửi thông báo quy định rõ địa điểm, thời gian và số thuế phải nộp cho từng hộ nộp thuế.

Thuế SĐĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc thu thuế do UBND cấp tỉnh quyết định được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa

phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

- Về miễn, giảm thuế:

Tại Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế như sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trực dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ.

Đánh giá chính sách thuế SDĐNN cho thấy, Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn thống nhất với pháp luật có liên quan và không phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, cụ thể:

I. Về đối tượng chịu thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đất chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp gồm: Đất trồng trọt, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng.

Quy định về phân loại đất chịu thuế SDĐNN được căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993 của Quốc hội. Từ năm 1992 đến nay cứ sau 10 năm, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương đổi mới về đất đai làm định hướng chính trị cho việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai. Luật Đất đai năm 1993 thể chế hóa các quan điểm, các định chế của Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992). Luật Đất đai năm 2003 được ban hành trên cơ sở Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Luật Đất đai năm 2013 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa XI. Luật Đất đai năm 2024 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp theo quy định pháp luật về đất đai từng thời kỳ đã có những sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cụ thể:

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hàng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất rừng sản xuất;
- Đất rừng phòng hộ;
- Đất rừng đặc dụng;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hàng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất lâm nghiệp, gồm: đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất chăn nuôi tập trung;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp qua các thời kỳ căn cứ vào mục đích sử dụng đất để phục vụ cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, đảm bảo tính thống nhất giữa pháp luật về quy hoạch, pháp luật về xây dựng, pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về chăn nuôi.

Như vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành, quy định về đất chịu thuế SDĐNN cần được rà soát, nghiên cứu quy định cho phù hợp.

2. Về căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

- Diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

- Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

- Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: từ 50 kg đến 550 kg; đối với đất trồng cây lâu năm: từ 80 kg đến 650 kg; đối với cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3, bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Theo quy định pháp luật về đất đai thì căn cứ tính thuế sử dụng đất là giá đất tại Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành. Thông thường tại các quốc gia trên thế giới, số thuế phải nộp xác định theo công thức: Thuế phải nộp = Thuế suất nhân (x) Giá trị chịu thuế (giá tính thuế). So với quy định của Luật Thuế SDĐNN hiện hành thì phương pháp xác định căn cứ tính thuế đã rất lạc hậu, không còn phù hợp với thực tế, không phản ánh được giá trị thực tế của đất nông nghiệp tính thuế. Để đảm bảo thống nhất quy định pháp luật về đất đai, phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế, đơn giản và minh bạch trong thực thi chính sách, cần thiết quy định căn cứ tính thuế SDĐNN chuyển từ tính bằng thóc sang xác định dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất). Giá tính thuế đối với đất xác định bằng diện tích đất sử dụng thực tế và giá của 1m² đất là giá đất do UBND cấp tỉnh quy định.

2.1. Về diện tích tính thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

Từ Luật Đất đai năm 2003 đến nay, quy định về sở hữu, SDĐNN đã có sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp. Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hình thức sở hữu, SDĐNN (như giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, công nhận quyền SDĐNN; nhận chuyển quyền SDĐNN, nhận giao khoán), đối tượng sở hữu, SDĐNN (hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Hộ nông dân,

hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã, Đơn vị vũ trang nhân dân, Hợp tác xã nông nghiệp, Cộng đồng dân cư...).

Theo đó, diện tích đất nông nghiệp tính thuế cần được sửa đổi để đảm bảo phù hợp với hình thức sở hữu, SDDNN và chủ thể SDDNN theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

2.2. Về hạng đất

Từ khi Luật Thuế SDDNN có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/1994), hạng đất tính thuế SDDNN đã được quy định qua các thời kỳ như sau:

** Giai đoạn 1994 - 2003:*

- Điều 6, Điều 7 Luật Thuế SDDNN quy định:

"Điều 6:

Căn cứ tính thuế SDDNN:

- Diện tích;

- Hạng đất;

- Định suất thuế tính bằng kilôgam thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất.

Điều 7

3. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm. Trong thời hạn ổn định hạng đất, đối với vùng mà Nhà nước đầu tư lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, Chính phủ điều chỉnh lại hạng đất tính thuế".

- Tại Điều 7 Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế SDDNN quy định:

"Điều 7. Cục Thuế giúp UBND cấp tỉnh kiểm tra và xét duyệt tổng hợp kết quả phân hạng đất tính thuế của địa phương, báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

Hạng đất tính thuế sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn là căn cứ tính thuế, lập sổ thuế.

Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm".

- Tại khoản 2, khoản 3 Mục IV Thông tư liên bộ số 92/TTLB ngày 10/11/1993 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm - Bộ Tài chính - Tổng cục Quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP quy định:

"2. Cục Thuế phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế tỉnh (các ngành liên quan) giúp UBND tỉnh tổng hợp, xét duyệt hạng đất tính thuế SDDNN của huyện và các đơn vị do Cục Thuế trực tiếp lập sổ thuế để trình UBND tỉnh xét duyệt, báo cáo với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trình Chính phủ.

3. Bộ Tài chính cùng với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và Tổng cục Quản lý ruộng đất kiểm tra việc tổng hợp, xét duyệt phân hạng đất tính thuế SĐĐNN của các tỉnh, thành phố; chuẩn bị các tài liệu cần thiết để Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt hạng đất tính thuế cho các địa phương”.

Căn cứ Luật Thuế SĐĐNN và thẩm quyền quy định tại Điều 7 Nghị định số 73/CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SĐĐNN, ổn định trong 10 năm kể từ năm 1994 đến hết năm 2003.

* Giai đoạn 2003 - 2010:

Ngày 15/6/2007, Bộ Tài chính có công văn số 7919/BTC-TCT gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phân hạng đất tính thuế SĐĐNN, trong đó: đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét nếu thời gian vừa qua (từ năm 2003 đến nay) địa phương chưa có đầu tư lớn về giao thông, thủy lợi, cải tạo đất và các biện pháp khác đem lại tiềm năng kinh tế cao hơn mức bình quân của thời kỳ 10 năm (1993-2003) thì tạm thời sử dụng hạng đất tính thuế SĐĐNN theo quy định tại Quyết định số 326/TTg để tính thuế nông nghiệp và các khoản thu liên quan đến đất cho đến khi Luật Thuế SĐĐNN được ban hành.

* Giai đoạn 2011 - 2020:

- Ngày 23/3/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế SĐĐNN, trong đó quy định về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế SĐĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010”.

- Ngày 16/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 120/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 4. Hạng đất tính thuế SĐĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010.

Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SĐĐNN từ năm 2011 thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020”.

Như vậy, kể từ khi Luật Thuế SĐĐNN có hiệu lực thi hành đến năm 2020, hạng đất tính thuế SĐĐNN được áp dụng trên cơ sở Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế

SDĐNN thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020. Thực tế triển khai thực hiện cho thấy chỉ có 2 tỉnh thực hiện điều chỉnh lại hạng đất tính thuế là Trà Vinh (được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2008 - 2017) và Đắk Lắk (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2011 - 2020).

** Giai đoạn 2021-2025*

Theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 thì thuế SDĐNN được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ trường hợp diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Do đó, thực tế vẫn phải quy định về hạng đất để thực hiện tính thuế SDĐNN đối với trường hợp còn lại phải nộp thuế SDĐNN.

Tại Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định về hạng đất tính thuế SDĐNN như sau:

"Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế SDĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010".

Căn cứ quy định nêu trên thì hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020. Theo đó, để có cơ sở tính và thu thuế SDĐNN đối với các đối tượng còn lại phải nộp thuế SDĐNN (tổ chức được nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp), phục vụ công tác quản lý thu thuế SDĐNN tại các địa phương từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP như sau:

"Điều 5. Hạng đất tính thuế

Kéo dài thời hạn thực hiện hạng đất tính thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025 trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2020.

Trường hợp địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN theo quy định thì thực hiện theo quy định đó đến hết ngày 31/12/2025".

Như vậy, hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm. Sau 30 năm thực hiện chính sách thuế SDĐNN cho thấy công tác xác định hạng đất tính thuế tại các địa phương trên thực tế là công việc rất phức tạp, tốn chi phí, công sức, cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan chức năng. Đồng thời, việc xác định hạng đất tính thuế cũng không hiệu quả do số thu thuế SDĐNN còn lại rất nhỏ. Mặt khác,

từ năm 2003 đến nay, hạng đất tính thuế SĐĐNN của các địa phương luôn được ổn định trên cơ sở hạng đất quy định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (trừ Trà Vinh và Đắk Lắk). Hơn nữa, việc xây dựng trình ban hành phân hạng đất mới để tính thuế không có nhiều ý nghĩa trong trường hợp tiếp tục thực hiện miễn thuế SĐĐNN đến năm 2030.

2.3. Về định suất thuế

Định suất thuế một năm tính bằng kg thóc trên 1ha của từng hạng đất căn cứ vào mục đích sử dụng và khả năng thu hoa lợi trên đất. Quy định này đến nay không còn phù hợp trong điều kiện chính sách tài chính liên quan đến đất đai thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật đất đai (sử dụng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành trong khung giá đất của Chính phủ làm căn cứ tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất...).

3. Về thu, nộp thuế

Luật Thuế SĐĐNN quy định thuế SĐĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc do UBND cấp tỉnh quyết định nhưng được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

Theo Nghị định 74/CP năm 1993, sổ thuế là căn cứ để làm thông báo thuế và thu, nộp thuế. Thuế SĐĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền; riêng đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần thuế tính theo sản lượng khai thác và theo giá bán thực tế.

- Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương. Ở những tỉnh, thành phố, giá thóc giữa các vùng có sự chênh lệch lớn thì giá thóc thu thuế có thể quy định cho từng huyện, quận, thị xã.

- Giá trị sản lượng tính thuế của cây lâu năm thu hoạch một lần (gỗ, tre, nứa, song, mây...) tính theo giá bán thực tế của từng loại cây. Trong trường hợp hộ nộp thuế kê khai giá thấp hơn so với giá thực tế, thì tính thuế theo giá do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định.

- Sản lượng để xác định giá trị sản lượng tính thuế của các cây lâu năm thu hoạch một lần là sản lượng thu hoạch thực tế.

Quy định về thu, nộp thuế tại Luật Thuế SĐĐNN là chưa phù hợp với pháp luật về quản lý thuế hiện hành¹, chưa phù hợp trong bối cảnh KT-XH hiện nay. Thực tế, các địa phương² ban hành quy định về giá thóc thu thuế SĐĐNN tương đối sát với giá thóc trên thị trường. Tuy nhiên, việc xác định giá tính thuế

¹ Luật Quản lý thuế số quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

² Ví dụ như tỉnh Gia Lai quy định giá thóc thu thuế SĐĐNN 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.900 đồng/kg thóc (theo Quyết định 48/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023); tỉnh Nghệ An quy định giá thóc để tính thuế SĐĐNN năm 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.200 đồng/kg (theo Quyết định 41/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023); Thành phố Hồ Chí Minh ban hành giá thóc thu thuế SĐĐNN là 7.600 đồng/kg (theo Quyết định 14/2024/QĐ-UBND ngày 20/3/2024).

theo giá thóc là phương pháp lạc hậu, có giá trị thu thấp. Số thu từ thuế SDDNN trong các năm qua chỉ chiếm một phần rất nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDDNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó thuế SDDNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện việc quản lý đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

4. Về miễn, giảm thuế

Luật Thuế SDDNN (từ Điều 19 đến Điều 23) quy định cụ thể các trường hợp miễn, giảm thuế SDDNN:

“Điều 19

1. Miễn thuế cho đất đồi, núi trực tiếp vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

2. Miễn thuế cho đất khai hoang không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này dùng vào sản xuất:

- Trồng cây hàng năm: 5 năm; riêng đối với đất khai hoang ở miền núi, đầm lầy và lán biển: 7 năm;

- Trồng cây lâu năm: miễn thuế trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch. Riêng đối với đất ở miền núi, đầm lầy và lán biển được cộng thêm 6 năm.

- Đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần thì chỉ nộp thuế khi khai thác theo quy định tại khoản 4, Điều 9 của Luật này :

3. Miễn thuế cho đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả: trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch.

4. Chính phủ quy định việc giảm thuế, miễn thuế đối với đất khai hoang được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN.

Điều 20

Hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp được miễn thuế trong thời hạn theo quy định tại Điều 19 của Luật này và cộng thêm 2 năm. Nếu đất được giao là đất đang sản xuất nông nghiệp, thì được miễn thuế trong thời hạn 3 năm kể từ ngày nhận đất.

Điều 21

Trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng, thuế SDDNN được giảm hoặc miễn cho từng hộ nộp thuế theo từng vụ sản xuất như sau:

1. Thiệt hại từ 10% đến dưới 20%, giảm thuế tương ứng theo mức thiệt hại;
2. Thiệt hại từ 20% đến dưới 30%, giảm thuế 60%;
3. Thiệt hại từ 30% đến dưới 40%, giảm thuế 80%;
4. Thiệt hại từ 40% trở lên, miễn thuế 100%.

Điều 22

1. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;
2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;
3. Miễn thuế cho các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa.

Điều 23

1. Miễn thuế cho hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;
2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ;
3. Giảm thuế cho hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này mà đời sống có nhiều khó khăn¹.

Kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới hiện nay cũng cho thấy, mặc dù việc SDĐNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...); quy định miễn thuế SDĐNN (như Cộng Hòa Ai-len, Anh). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế bất động sản (BDS) thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp².

Theo đó, việc quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đánh giá cho thấy, quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN tại Luật là phù hợp điều kiện KT-XH tại thời điểm ban hành Luật. Đến nay, các quy định này cần được rà soát, quy định cho thống nhất với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông

¹ Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BDS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

thôn và thống nhất pháp luật có liên quan⁴ (*pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về người có công, pháp luật về đất đai...*) và thực tế tại các địa phương.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về công nghiệp, nông dân, nông thôn, thuế SDDNN hiện đang được miễn cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Chính sách ưu đãi thuế SDDNN đã được bắt đầu từ năm 2001 và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định về miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Về kê khai, tính và lập sổ thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại

Tại Luật Thuế SDDNN quy định cụ thể về kê khai, tính thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại về thuế. Tuy nhiên, cần thiết rà soát các quy định này để đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành có liên quan như Bộ luật Dân sự (*quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự...*), pháp luật về quản lý thuế (*Pháp luật về quản lý thuế hiện hành đã có quy định về: Trách nhiệm của người nộp thuế; các hành vi vi phạm về thuế; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; thẩm quyền xử lý vi phạm; kê khai, nộp thuế*); pháp luật về khiếu nại, tố cáo (*thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo*).

II. CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM THUẾ SDDNN THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển KT-XH, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó có chính sách miễn, giảm thuế SDDNN.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SDDNN qua các giai đoạn như sau:

* Giai đoạn 2001 - 2010

Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001, theo đó thực hiện miễn thuế SDDNN đối với hộ nghèo trong cả nước, hộ ở các xã đặc biệt khó khăn

⁴ Pháp luật quản lý thuế quy định các trường hợp bất khả kháng; pháp luật về người có công quy định cụ thể về đối tượng hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước, pháp luật về đất đai quy định cụ thể về phân loại đất nông nghiệp.

thuộc Chương trình 135; giảm 50% thuế SDDNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SDDNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 về miễn, giảm thuế SDDNN đến hết năm 2010 gồm:

- Miễn thuế SDDNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp.

- Miễn thuế SDDNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SDDNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

** Giai đoạn 2011 - 2020*

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về miễn, giảm thuế SDDNN đến hết năm 2020 gồm:

- Miễn thuế SDDNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối; diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SDDNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp đối với: Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông

ng nghiệp có quyền SDDNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SDDNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDDNN.

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SDDNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDDNN, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDDNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDDNN.

** Giai đoạn 2021-2025*

Năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SDDNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Dưới đây là đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội trong những năm qua:

1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Những năm qua, kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn đã có bước phát triển nhất định nhưng vẫn là khu vực có tốc độ phát triển chậm so với các khu vực khác của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp nước ta vẫn mang tính chất của một nền sản xuất nhỏ, manh mún. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, từ nhiều năm qua, Nhà nước đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế SDDNN đã được triển khai thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Chính sách miễn, giảm thuế SDDNN đến hết ngày 31/12/2025 là giải pháp để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước, nhất là trong việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Việc mở rộng diện được miễn, giảm thuế SDDNN tại Nghị quyết số 107/2020/QH14 đã góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao:

- Tại Kết luận số 36-KI./TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó xác định: *"Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích"*.

- Tại Luật Đất đai năm 2013 có nêu: *"Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp"*.

- Tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là "chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...".

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: "xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao..."; "tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia".

Kết quả miễn, giảm thuế SDDNN cụ thể qua các thời kỳ như sau:

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN cho thấy, tổng số thuế SDDNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2003-2010 (theo Nghị quyết số 15/2003/QH11): Đây là giai đoạn đầu tiên Quốc hội ban hành chính sách miễn, giảm thuế SDDNN đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất để sản xuất nông nghiệp của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính sách này đã góp phần giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là những xã ở vùng cao, vùng sâu.

Bảng 1. Kết quả miễn, giảm thuế SĐĐNN trong giai đoạn 2003-2010

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2003	6.103.681	5.782.556	10.726.969	10.479.748	2.337	114
2004	6.502.736	6.178.928	11.090.099	10.813.439	2.564	116
2005	6.441.686	6.067.272	10.658.117	10.989.438	2.727	122
2006	6.481.581	6.108.266	11.267.288	10.729.568	2.951	158
2007	6.392.026	6.034.786	11.094.551	10.814.533	3.225	155
2008	6.574.931	5.874.675	11.430.503	10.585.080	3.760	165
2009	6.639.220	6.029.547	11.576.987	11.321.243	4.084	183
2010	6.571.777	6.316.863	11.534.848	11.227.071	4.500	196
Trung bình	6.463.455	6.049.112	11.172.420	10.870.015	3.269	151

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 1 thì trong giai đoạn 2003-2010 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SĐĐNN trung bình là khoảng 10.870.015 NNT/năm, chiếm 97,3% tổng số đối tượng nộp thuế (11.172.420 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SĐĐNN trung bình là 6.049.112 ha, chiếm 93,6% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (6.463.455 ha). Tổng số thuế SĐĐNN được miễn trung bình là khoảng 3.269 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SĐĐNN còn lại là khoảng 151 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2011-2016 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12): So với Nghị quyết số 15/2003/QH11, Nghị quyết số 55/2010/QH12 đã mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SĐĐNN. Theo đó, miễn thuế SĐĐNN với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối. Chính sách này bên cạnh những mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp như giai đoạn trước, đã góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho người dân trồng lúa và làm muối; từ đó đảm bảo nguồn cung đối với hai sản phẩm nông nghiệp này. Về cơ bản, Nghị quyết số 55/2010/QH12 mang lại những kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2011-2016

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2011	7.035.326	6.885.672	11.980.720	11.831.876	5.499	273
2012	7.541.366	7.396.428	12.151.362	12.045.228	6.031	284
2013	7.051.549	6.893.781	12.229.977	12.123.804	6.260	295
2014	7.194.863	7.051.294	12.023.132	11.901.019	6.381	317
2015	7.237.964	7.115.106	12.348.064	12.257.403	6.610	313
2016	7.240.557	7.119.082	12.342.703	12.255.094	6.869	330
Trung bình	7.216.937,5	7.076.893,8	12.179.326	12.069.071	6.308,3	302

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 2 thì trong giai đoạn 2011-2016 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là khoảng 12.069.071 NNT/năm, chiếm 99% tổng số đối tượng nộp thuế (12.179.326 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 7.076.894 ha, chiếm 98,1% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (7.216.938 ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 302 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2017-2020 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14): Nghị quyết số 28/2016/QH14 đã mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN.

Theo số liệu sơ bộ do các địa phương cung cấp, trong giai đoạn 2017-2020, tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 8.115.943 ha/năm; tổng số đối tượng chịu thuế bình quân là 12.091.840 NNT/năm; tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 7.438,5 tỷ đồng/năm.

b) Góp phần khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng của nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng chậm lại, nông nghiệp vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa bền vững, thu nhập và đời sống dân cư nông thôn nhìn chung còn

thấp³. Tiếp tục chú trọng, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, việc bổ sung nội dung miễn thuế SDDNN góp phần hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và nâng cao mức sống cho người nông dân.

Miễn thuế SDDNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân. Do đó, số thuế SDDNN được miễn sẽ là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

c) Góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong quá trình hội nhập

Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện các Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định thương mại hàng hóa trong ASEAN, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc,... Ngoài ra, Việt Nam cũng vừa kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU. Các Hiệp định thương mại tự do sẽ tạo thuận lợi cho xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các mặt hàng nông sản. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi khác, cùng với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu giảm nghèo... thì việc mở rộng diện miễn thuế SDDNN sẽ tạo thành một hệ thống cơ chế khuyến khích đầu tư nông nghiệp, nông thôn đồng bộ; thu hút vốn đầu tư quốc tế, huy động các nguồn lực đầu tư ở trong nước vào phát triển sản xuất nông nghiệp; góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với hình thành và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao như kinh tế trang trại, cánh đồng mẫu lớn... nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao và sức cạnh tranh trên thị trường.

d) Khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp

Diện tích đất canh tác nông nghiệp ở Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới, chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 0,12%. Đất canh tác ở các vùng nông thôn Việt Nam ngày càng bị thu hẹp lại do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển kinh tế, bình quân mỗi năm, đất nông nghiệp giảm gần 100.000 ha⁴. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, đất đai phục vụ sản xuất trên diện rộng không nhiều, gây

³ Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 97/KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị.

⁴ Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đất (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và áp dụng kỹ thuật tiên tiến.

Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hạn mức giao đất và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất⁷ cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất hình thành sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDDNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng, giúp người nông dân yên tâm đầu tư vốn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp, giải phóng sức lao động.

Ngoài ra, mở rộng quy định về miễn thuế SDDNN góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về việc khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp⁸. Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại là một trong những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với kinh tế trang trại⁹. Thực tế cho thấy, kinh tế trang trại với quy mô sản xuất vượt trội, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa cao, sử dụng lao động hiệu quả, có khả năng tiếp nhận và áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất.

e) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDDNN

Theo quy định thì người nộp thuế SDDNN nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục Thuế nơi có đất chịu thuế SDDNN; trường hợp trong năm có phát sinh tăng, giảm diện tích chịu thuế SDDNN thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là mười ngày kể từ ngày phát sinh tăng, giảm diện tích đất; trường hợp được miễn thuế SDDNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDDNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế của năm đầu tiên của thời hạn miễn thuế.

Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDDNN được miễn, chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp.

f) Phù hợp thông lệ quốc tế

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như: áp dụng mức thuế suất thấp hơn; miễn một phần hoặc toàn bộ số tiền thuế phải nộp; hoặc không đưa đất sử dụng để sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế. Như vậy, việc mở rộng diện được miễn thuế SDDNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tập trung nhiều nguồn

⁷ Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013.

⁸ Điều 142 Luật Đất đai năm 2013.

⁹ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.

lực cũng như các chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách thuế nhằm khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thí hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua đã làm giảm thu NSNN, cụ thể: Tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm. Bên cạnh đó, do thực hiện chính sách ưu đãi thuế SDĐNN nên số thu NSNN từ thuế SDĐNN chỉ chiếm một phần nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó, thuế SDĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

Đồng thời, chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2001 và chính sách sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế, tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với SDĐNN trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹⁰. Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ SDĐNN.

¹⁰ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Đungari, Anh, Estonia, Armenia,...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

III. ĐỀ XUẤT

Luật Thuế SĐĐNN đã được ban hành từ năm 1993, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1994. Đánh giá thực hiện chính sách cho thấy Luật Thuế SĐĐNN có nhiều nội dung đã không còn phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, quản lý sử dụng đất đai và các quy định pháp luật có liên quan. Nếu đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SĐĐNN thì không cần thiết do cuối cùng lại chỉ đề xuất miễn, giảm thuế SĐĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với SĐĐNN trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹¹. Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với SĐĐNN sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ SĐĐNN.

Ưu đãi thuế SĐĐNN được xác định là một trong những chính sách đã và đang phát huy những tác động tích cực và có ý nghĩa chính trị sâu sắc, ngày càng được mở rộng. Việc miễn, giảm thuế SĐĐNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp; khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân do đây là giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới. Việc miễn, giảm thuế SĐĐNN cũng phù hợp với thông lệ quốc tế về áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, việc miễn thuế SĐĐNN chỉ thực hiện cho từng giai đoạn nhất định, do đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN là phù hợp¹².

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SĐĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực

¹¹ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia, ...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

¹² Tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SĐĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế SĐĐNN./.

BỘ TÀI CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tác động Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
(Kèm theo Tờ trình số 42/TTr-BTC ngày 24/02/2025 của Bộ Tài chính)

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BÁT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nhìn từ thực tiễn hơn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương Khoản 100 đến Khoản 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính sách thuế SDDNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDDNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDDNN vượt quá hạn mức diện tích đất. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, từ năm 2001 đến nay, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều Nghị quyết miễn, giảm thuế SDDNN theo hướng mở rộng đối tượng ưu đãi miễn, giảm thuế SDDNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước theo từng thời kỳ.

Hiện hành, chính sách thuế SDDNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SDDNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

- (i) Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- (ii) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân.
- (iii) Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- (iv) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.
- (v) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDDNN.

Tuy nhiên, việc miễn thuế theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2025.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo.

II. Mục tiêu xây dựng chính sách

1. Mục tiêu chung

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích tích tụ ruộng đất.
- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Tiếp tục kế thừa kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDDNN hiện hành.
- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

I. Quy định về tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN

1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” đã nêu giải pháp: “*Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích*”.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ ra những hạn chế của nông nghiệp hiện nay như: “*Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Trong nhiều năm tăng trưởng nông nghiệp thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Hiệu quả kinh tế của cây lúa và một số loại cây trồng khác không cao; cơ chế, chính sách chưa thực sự bảo đảm hài hòa lợi ích cho người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa, nhiều nông dân không thiết tha sản xuất, bỏ ruộng hoang... Thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân và dân cư nông thôn còn thấp, bấp bênh, kết quả giảm nghèo chưa bền vững; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỉ lệ hộ nghèo còn cao*”. Đồng thời, tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị cũng xác định: “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*”, theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh

ng nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau nhằm tiếp tục tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2025 của Nghị quyết, trong đó có giải pháp: “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ hơn, có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững*”.

Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN hiện đang thực hiện theo quy định sau:

- Điều 19 Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế đối với các trường hợp sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trồng rừng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

- Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011) và Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) quy định miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 đối với:

(i) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

(ii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

(iii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

(iv) Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 miễn thuế SĐĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SĐĐNN, gồm:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

- Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SĐĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SDĐNN đang được miễn theo Luật Thuế SDĐNN, theo Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội chỉ thực hiện miễn thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025.

Việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định hiện hành trên thực tế không gặp vướng mắc. Trong quá trình tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, các địa phương đều đề xuất tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện các kết quả đã đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN thì cần thiết phải tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động tích cực:

- Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới là phù hợp và góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về "tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" và tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- + Về tính phù hợp với hệ thống pháp luật:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đến là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 về tập trung, tích tụ ruộng đất và các định

hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định KT-XH.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDDNN; góp phần khuyến khích SDDNN hiệu quả và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDDNN được miễn, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDDNN tới từng xã, nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDDNN ở từng địa phương, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai và hạn chế tình trạng đất bỏ hoang không đưa vào sử dụng.

+ Về KT-XH:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Cùng với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đối với ngành nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN trong giai đoạn tiếp theo là một giải pháp khuyến nông góp phần nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN góp phần khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn thuế SDDNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp¹.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN là giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, từ đó, tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngoài ra, chính sách miễn thuế SDDNN là hình thức hỗ trợ hiệu quả cho người nông dân do đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước². Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN góp phần hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, nâng cao mức sống và góp phần xây dựng nông thôn mới. Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN có hiệu ứng về mặt xã hội là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực

¹ Điều 192, Điều 193 Luật Đất đai năm 2024.

² Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đầu tư được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô nông hộ hoặc trang trại.

nông thôn, giảm áp lực lao động di làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

+ Về tính phù hợp với các thông lệ quốc tế:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN phù hợp với thông lệ quốc tế về xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp³, trợ cấp nông nghiệp⁴ thì miễn thuế SDDNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế khu vực và thế giới, đến nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Việc miễn thuế SDDNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTPP.

+ Về thủ tục hành chính:

Việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế SDDNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH15 nên không chứa các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

+ Về vấn đề bình đẳng giới:

Việc kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDDNN không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDDNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện theo giải pháp này thì không có hạn chế

³ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Án Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan); miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

⁴ Ví dụ như thông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDDNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDDNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 trong thời gian tới phù hợp thẩm quyền của Quốc hội. Nội dung thể hiện cụ thể tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

II. Quy định về thời hạn miễn thuế SDDNN

1. Xác định vấn đề bất cập

Đánh giá sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn³ cho thấy nông nghiệp đã tiếp tục phát triển cả về quy mô, trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, tuy nhiên, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết, thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Miễn thuế SDDNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chi thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm⁴, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH (tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*) thì cần thiết phải đề xuất thời hạn miễn thuế SDDNN cho phù hợp.

³ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁴ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động tích cực:

+ Tác động về KT-XH:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, đời sống khu vực nông thôn và định hướng phát triển KT-XH của đất nước. Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội⁷, việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành góp phần làm thay đổi đáng kể nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Việc tiếp tục thực hiện miễn thuế trong thời hạn 5 năm 2026-2030 sẽ góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp⁸, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 5 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chính sách thuế đối với đất nông nghiệp sẽ không ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của người nông dân.

+ Tác động về thủ tục hành chính:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm không chứa các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010

⁷ Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

⁸ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Trong đó đã đề ra các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo từng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030.

của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

+ Tác động về giới:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm không tạo ra sự phân biệt giới.

- Tác động tiêu cực: Do thời gian ưu đãi không nhiều nên có thể chi thu bù được các dự án ngắn hạn đầu tư vào nông nghiệp hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời hạn 5 năm (từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030) phù hợp thẩm quyền của Quốc hội. Nội dung thể hiện cụ thể tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

III. Đánh giá tác động của các giải pháp đến giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật

1. Tác động đến giới

Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2. Tác động về thủ tục hành chính

Các giải pháp lựa chọn đều không phát sinh thủ tục hành chính khi thực hiện.

3. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Các giải pháp đề xuất không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Các giải pháp đề xuất không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Các giải pháp đề xuất không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Các giải pháp đề xuất không trái với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Các giải pháp đề xuất đều phù hợp hoàn toàn với thông lệ quốc tế, nghĩa vụ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

C. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với dự án Nghị quyết, Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết (công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính).

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trách nhiệm thi hành Nghị quyết là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Nghị quyết. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị quyết trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách tại dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNNL.

BỘ TÀI CHÍNH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

**Rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**
(Kèm theo Tờ trình số 42/TTr-BTC ngày 24/02/2025 của Bộ Tài chính)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích rà soát

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SĐĐNN) được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của dự án Nghị quyết với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

1.2. Yêu cầu rà soát

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết được thực hiện dựa trên yêu cầu sau đây:

- Rà soát đầy đủ các nhóm luật có nội dung quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách miễn thuế SĐĐNN nhằm phát hiện các luật có nội dung vướng mắc, chưa thống nhất với pháp luật về miễn thuế SĐĐNN.

- Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của chính sách miễn thuế SĐĐNN hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Phạm vi rà soát: Chính sách miễn thuế SĐĐNN hiện hành, gồm các Nghị quyết: Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.

- Nội dung rà soát: Đánh giá sự phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo tại quy định về miễn thuế SDDNN với pháp luật có liên quan để đề xuất hướng sửa đổi, hoàn thiện chính sách, đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật có liên quan.

- Đối tượng rà soát: Các quy định, Điều khoản cụ thể tại các Nghị quyết về miễn thuế SDDNN và các luật có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án Nghị quyết: Qua rà soát đã xác định được có 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết bao gồm các văn bản sau: Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Kết quả cụ thể

Qua rà soát, đối tượng miễn thuế SDDNN hiện hành là: (i) Hộ gia đình, cá nhân giao đất để sản xuất nông nghiệp, góp quyền SDDNN, thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp; (ii) Tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Quy định về đối tượng miễn thuế SDDNN hiện hành là phù hợp, thống nhất với Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023 liên quan đến các hình thức hợp tác, giao khoán SDDNN của hợp tác xã, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 liên quan đến giao đất nông nghiệp, góp quyền SDDNN và thu hồi đất, phù hợp với pháp luật về đầu tư (Luật Đầu tư số 60/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Chính sách thuế SDDNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025. Trong 30 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa pháp luật về thuế SDDNN và pháp luật có liên quan tương đối ổn định và không phát sinh vướng mắc. Bộ Tài chính thấy rằng quy định tại dự thảo Nghị quyết về miễn thuế SDDNN là phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan như Luật Đất đai, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư.

Ngoài ra, qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự án Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát chính sách miễn thuế SDDNN với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MIỄN THUẾ SDĐNN

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
<p>Đối tượng miễn thuế SDĐNN</p>	<p>Kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31/12/2030. Cụ thể:</p> <p>1. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.</p> <p>2. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.</p> <p>3. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thuê kể, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;</p> <p>b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo</p>	<p>Luật Hợp tác xã quy định: <i>Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.</i></p> <p>- Khoản 3 Điều 73 Luật Hợp tác xã quy định: <i>"3. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự".</i></p> <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:</p> <p>- Khoản 6 Điều 3 về giải thích từ ngữ: <i>"6. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền SDĐNN; nhận chuyển quyền SDĐNN mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ".</i></p> <p>- Điều 4 quy định người sử dụng đất trong đó có: <i>Tổ chức trong nước (Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị vũ trang nhân dân, Mặt</i></p>	<p align="center">Phù hợp</p>

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<p>quy định của pháp luật;</p> <p>c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.</p> <p>4. Miễn thuế SĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.</p> <p>Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐNN.</p>	<p><i>trên Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật); Tổ chức kinh tế; cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư; cá nhân trong nước.</i></p> <p>- Khoản 1 Điều 118 quy định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với: "<i>1. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này</i>".</p> <p>- Khoản 4 Điều 8 về khuyến khích đầu tư vào sử dụng đất đai: "<i>4. Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn</i>".</p> <p>- Khoản 1 Điều 27 quy định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: "<i>1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan</i>".</p> <p>- Khoản 3 Điều 81 về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: "<i>Đất được giao, cho thuê không dùng đất nông hoặc không dùng thâm quyền</i>".</p> <p>Luật đầu tư số 60/2020/QH14 quy định: Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối NSNN, Chính phủ quy định chi tiết hình thức hỗ trợ đầu tư đối với vốn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học</p>	

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (khoản 2 Điều 18).</p> <p>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (như nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng...) thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.</p>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, ngày 18/12/2024, Bộ Tài chính đã có công văn số 13900/BTC-CST gửi lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (địa phương);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Công thông tin điện tử Chính phủ.

Dưới đây là nội dung tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia:

Về hồ sơ dự án Nghị quyết: Hầu hết các ý kiến tham gia đều nhất trí đối với hồ sơ dự án Nghị quyết. Ngoài ra, có 06 ý kiến tham gia thêm, cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung và làm rõ trong Tờ trình nội dung về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết sau khi được ban hành bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tại dự thảo Tờ trình dự kiến nguồn lực thi hành Nghị quyết là nguồn lực về tài chính, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua (gồm các hoạt động: ban hành văn bản quy định chi tiết; chỉ đạo, đôn đốc thi hành; tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết) không có nội dung làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.
	Bộ Công an	Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định: " <i>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước</i> ", đề nghị làm rõ nội dung cần hướng dẫn, quy định chi tiết	Chính sách miễn thuế SDNN hiện hành đang được thực hiện tại các Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội. Để hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết trên, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, Nghị định số 21/2017/NĐ-CP và Nghị định số 146/2020/NĐ-CP. Để triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thu

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thuế trong việc tra cứu và áp dụng văn bản, cần thiết bổ sung quy định giao " <i>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước</i> ".
	Công thông tin điện tử Chính phủ	Đề nghị lựa chọn phương án miễn thuế tới năm 2040 đối với đất sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp <i>(bạn đọc Trần Trọng Nghĩa, email: nghia3877@gmail.com)</i>	Việc thực hiện giải pháp miễn thuế SDDNN có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yên tâm sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, khoảng thời gian đến năm 2040 là tương đối dài trong bối cảnh kinh tế thế giới liên tục biến động khó lường, phức tạp, dự báo tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm tới đan xen nhiều thuận lợi và khó khăn. Hiện tại cũng chưa có định hướng cụ thể về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn sau năm 2030 để làm cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục miễn thuế SDDNN.
	Công thông tin điện tử Chính phủ	- Đề xuất miễn thuế với điều kiện rõ ràng, chỉ áp dụng miễn thuế đối với: đất đang được sử dụng đúng mục đích nông nghiệp, chủ sở hữu đất nông nghiệp có hoạt động <u>sản xuất thực tế và hiệu quả, hộ gia đình,</u>	- Chính sách thuế SDDNN đã thực hiện được hơn 30 năm. Việc tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn thuế SDDNN cho giai đoạn sau năm 2025 là cần thiết, phù hợp nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>cá nhân thuộc diện khó khăn, vùng sâu, vùng xa; không miễn thuế đối với: đất bỏ hoang, không sản xuất trong thời gian dài, chuyển nhượng sai mục đích... Việc hỗ trợ người dân bằng các chính sách khác thay vì miễn thuế toàn diện.</p> <p>- Bổ sung quy định về việc sử dụng đất nông nghiệp đúng mục đích, tránh tình trạng bỏ hoang đất hoặc sử dụng sai mục đích gây lãng phí nguồn lực</p> <p><i>(bạn đọc Lê hoàng Phát, email: phatle1882005@gmail.com; bạn đọc Trần Anh Khoa, email: titranmiami@gmail.com)</i></p>	<p>ngiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Về đối tượng miễn thuế SDDNN: Qua rà soát, quy định về đối tượng miễn thuế SDDNN hiện hành là phù hợp, thống nhất với pháp luật có liên quan (như Luật Hợp tác xã, Luật Đất đai...), phù hợp với pháp luật về đầu tư liên quan đến các chính sách ưu đãi trong lĩnh vực nông nghiệp. Đối với việc sử dụng đất nông nghiệp sai mục đích, không có giấy tờ hợp lệ, bỏ hoang đất nông nghiệp, pháp luật về đất đai hiện hành đã có quy định chế tài xử lý vi phạm cụ thể đối với các trường hợp này.</p> <p>Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.</p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động	Bộ Công an	Đề nghị đánh giá tác động về kinh tế - xã hội, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật (tích cực, tiêu cực) theo quy định Luật Ban hành VBQPPL.	Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo đánh giá tác động theo quy định Luật Ban hành VBQPPL.
3. Dự thảo Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế SDDNN	Bộ Công an	Đề nghị tiếp tục rà soát các VBQPPL có liên quan đến dự án Nghị quyết và đánh giá sự phù hợp, đề xuất xử lý.	Bộ Tài chính đã rà soát, đánh giá các VBQPPL có liên quan tại Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế SDDNN.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày ...tháng... năm 2025 của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 10 tháng 7 năm 1993,

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày ...tháng ... năm 2025 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày ...tháng ... năm 2025 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020, Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội.

Điều 1. Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11

tháng 11 năm 2016, Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020, cụ thể như sau:

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

Diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm bao gồm diện tích đất có quy hoạch, kế hoạch trồng ít nhất một vụ lúa trong năm hoặc diện tích đất có quy hoạch, kế hoạch trồng cây hàng năm nhưng thực tế có trồng ít nhất một vụ lúa trong năm.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ nghèo.

Việc xác định hộ nghèo được căn cứ vào chuẩn hộ nghèo ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy định cụ thể chuẩn hộ nghèo theo quy định của pháp luật áp dụng tại địa phương thì căn cứ chuẩn hộ nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định để xác định hộ nghèo.

3. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp (bao gồm cá nhân thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp).

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh và hộ gia đình, cá nhân nhận đất giao khoán ổn định của công ty nông, lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Việc giao khoán đất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Nông trường viên, lâm trường viên bao gồm: Cán bộ, công nhân, viên chức đang làm việc cho nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh; hộ gia đình có người đang làm việc cho nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, được hưởng chế độ đang cư trú trên địa bàn; hộ gia đình có nhu cầu trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đang cư trú trên địa bàn.

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Thủ tục, hồ sơ kê khai, miễn thuế tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 2. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở hạng đất được xác định theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 3. Thời hạn miễn thuế

Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị quyết số .../2025/QH15 được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế các Nghị định:

a) Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: HTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTHĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu Văn thư, KTTĐ (2h).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/ND-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), theo đề nghị tại Công văn số 1065/BTC-CST ngày 23/01/2025 của Bộ Tài chính, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ thẩm định và ý kiến tại cuộc họp ngày 12/02/2025 của Hội đồng thẩm định¹ (được thành lập theo Quyết định số 343/QĐ-BTP ngày 07/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết) như sau:

I. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với mục đích, yêu cầu đã được thông qua trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết

¹ Hội đồng thẩm định có mặt 14/18 thành viên (Giấy mời họp số 56/GM-BTP ngày 07/02/2025), vắng: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ngày 15/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 191/NQ-CP về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Theo đó, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết này như đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 225/BTC-CST ngày 09/4/2024. Nội dung của dự thảo Nghị quyết đã đáp ứng mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được thông qua tại Nghị quyết số 191/NQ-CP.

2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được thông qua trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết

Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với phạm vi điều chỉnh và chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 191/NQ-CP. Nội dung chính sách đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thể chế hóa đầy đủ trong dự thảo Nghị quyết.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung dự thảo Nghị quyết là tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo hướng kéo dài thời gian thực hiện đã được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Về vấn đề này, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: "*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*"; và đưa ra giải pháp: "*Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao...*"; "*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế...*".

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: "*...Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa... Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết...*".

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn

mới đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn*”.

Tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính: “*Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn*”.

Như vậy, nội dung dự thảo Nghị quyết miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ như đã nêu ở trên.

2. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật; (iii) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (về “*có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp*” và “*đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực*” - điểm 3.1 Điều 3); (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về ký hợp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*” - Mục 3); và (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về tính hợp hiến

Khoản 4 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn "*Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế...*". Vì vậy, nội dung miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013.

2. Về tính hợp pháp; tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

2.1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết: hiện nay, tên gọi của dự thảo Nghị quyết là "*Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp*". Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là khác với quy định của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành cho nên đây có thể coi là hình thức Nghị quyết thí điểm (được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.2. Dự thảo Nghị quyết không có nội dung chính sách mới mà chỉ kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 nên nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2.3. Điều 2 dự thảo Nghị quyết giao Chính phủ "*quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước*". Tuy nhiên, do nội dung dự thảo Nghị quyết chỉ kéo dài thời gian miễn thuế tại Nghị quyết số 107/2020/QH14, các nội dung khác vẫn giữ nguyên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết gồm những nội dung gì? xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Mục 6 Tờ trình số 21/Tr-BTC có nêu "*biện pháp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của "hộp xanh lá cây"*". Tuy nhiên, việc miễn thuế theo dự thảo Nghị quyết có thể dẫn đến các trợ cấp nông nghiệp nằm ngoài "hộp xanh lá cây". Do đó, đề nghị quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ nội dung dự thảo Nghị quyết với Hiệp định nông nghiệp của

WTO và các cam kết liên quan của Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp để đảm bảo nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên (và chịu trách nhiệm về vấn đề này) tại Tờ trình Chính phủ.

V. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 nên không chứa đựng các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

VI. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị quyết đã thể hiện nguồn lực thực hiện Nghị quyết. Tuy nhiên, nguồn lực được đánh giá mới chỉ nêu từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương mang tính định tính mà chưa có định lượng. Do đó, đề nghị bổ sung đánh giá nguồn lực để đảm bảo tính khả thi.

VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025. Theo đó, dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết

2.1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Bộ Tư pháp thẩm định gồm: (1) Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; (2) Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; (3) Báo

cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; (4) Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; (5) Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (6) Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan Trung ương đối với dự thảo Nghị quyết; (7) Bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ở trung ương, các địa phương đối với dự thảo Nghị quyết. Đối chiếu với khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đảm bảo đầy đủ theo quy định.

2.2. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Về ngôn ngữ, kỹ thuật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa một số quy định của dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Chương V (thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020); Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

VIII. KẾT LUẬN

Căn cứ hồ sơ gửi thẩm định và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đủ điều kiện trình Chính phủ xem xét. Tuy nhiên, trước khi trình Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn diện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (trong đó có quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 5 Điều 58).

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (được sửa đổi, bổ

sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội xin gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ VECXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, thuyết).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Tịnh

Số: 51/BC-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO**Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 23/01/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 1065/BTC-CST gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Ngày 12/02/2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định và có Báo cáo số 61/BCTĐ-BTP ngày 14/02/2025 thẩm định đối với dự án Nghị quyết.

Sau khi nghiên cứu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:

Tại Báo cáo thẩm định, Bộ Tư pháp đã cơ bản hoàn toàn nhất trí về các nội dung:

- Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Nghị quyết.

- Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

- Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật.

- Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị quyết.

- Về trình tự, thủ tục, hồ sơ và ngôn ngữ, kỹ thuật với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, tại Báo cáo thẩm định Bộ Tư pháp có một số ý kiến, cụ thể như sau:

1. Điều 2 dự thảo Nghị quyết giao Chính phủ “quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước”. Tuy nhiên, do nội dung dự thảo Nghị quyết chỉ kéo dài thời gian miễn thuế tại Nghị quyết số 107/2020/QH14, các nội dung khác vẫn giữ nguyên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết gồm những

nội dung gì và xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Chính sách miễn thuế SDDNN hiện hành đang được thực hiện tại các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội. Để hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết trên, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011, Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 và Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

Theo đó, để triển khai thực hiện Nghị quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc tra cứu và áp dụng văn bản, Bộ Tài chính đề nghị bổ sung quy định giao "*Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước*" và tại hồ sơ dự án Nghị quyết đã bao gồm dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết kèm theo.

2. Tại Mục 6 Tờ trình số 21/TT- BTC có nêu "*biện pháp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của "hộp xanh lá cây"*". Tuy nhiên, việc miễn thuế theo dự thảo Nghị quyết có thể dẫn đến các trợ cấp nông nghiệp nằm ngoài "hộp xanh lá cây". Do đó, đề nghị quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ nội dung dự thảo Nghị quyết với Hiệp định nông nghiệp của WTO và các cam kết liên quan của Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp để đảm bảo nội dung dự thảo Nghị quyết không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Bộ Ngoại giao có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về sự tương thích của đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và gửi đến cơ quan lập đề nghị. Thực hiện quy định nêu trên, khi trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành các Nghị quyết miễn thuế SDDNN, Bộ Tài chính đã gửi lấy ý kiến Bộ có liên quan, trong đó đề nghị các Bộ: Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương có đánh giá về tính tương thích của dự án Nghị quyết với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Tại hồ sơ dự án Nghị quyết chỉ quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 đến hết ngày 31/12/2030. Qua lấy ý kiến các Bộ: Ngoại giao, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều nhất trí với hồ sơ dự án Nghị quyết (trong đó có nội dung về đánh giá tính tương thích của dự án Nghị quyết với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên).

Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung về đánh giá tính tương thích, sự phù hợp của nội dung chính sách được đề xuất với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

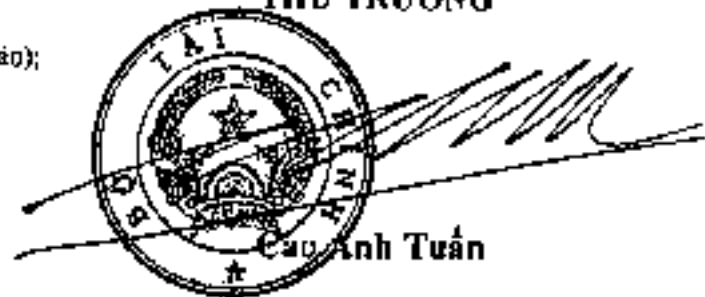
3. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã tiếp thu, rà soát và hoàn chỉnh các tài liệu của hồ sơ dự án Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (9b).C₂

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



BỘ QUỐC PHÒNG

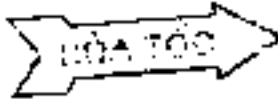
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *55* /BQP-TC

Hà Nội, ngày *22* tháng *01* năm *2025*

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: <i>7656</i>	
Ngày: <i>22-01-2025</i>	
Chuyên: <i>Cục CST</i>	
Số và ký hiệu HS:.....	



Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (*Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động*). Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng thông nhất với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội do Bộ Tài chính soạn thảo.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, THBĐ, T. 06

**KI. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Vũ Hải Sản



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **858** /BNG-LPQT

V/v góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày **11** tháng **01** năm **2025**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Quý Bộ đề nghị cho ý kiến đối với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 để tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc tiếp tục kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định kinh tế - xã hội.

2. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do đó, Bộ Ngoại giao nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên. Ngoài ra, tại dự thảo Tờ trình (mục VI), đề nghị Quý Bộ nêu cụ thể các cam kết quốc tế đã rà soát để đưa ra kết luận "các nội dung chính sách được đề xuất đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên".

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, LPQT.

KI. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ
Nguyễn Minh Vũ

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 188 /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý kiến về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu và thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Quý Bộ đã xây dựng và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Trường Giang

**THÔNG TÁN XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79 /TTX-BKT

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý kiến về dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn
thuế SDDNN

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST góp ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN), Thông tấn xã Việt Nam xin có ý kiến như sau:

Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDDNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDDNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDDNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN trong thời gian tới nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao, cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tới.

Thông tấn xã Việt Nam nhất trí việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, BKT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Hùng

Số: 224 /BKHCN-KHTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

V/v ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất với việc cần thiết tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tới và không có ý kiến khác với Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC(ĐCS).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

**DÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 199 /THVN-VP
V/v góp ý về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SDDNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Dài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính đề nghị về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Dài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

**KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC**



Lê Quyền

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *382* /NHNN-TD
Về ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SDNN

Hà Nội, ngày *17* tháng *01* năm *2025*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

Việc kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn giá trị sản xuất nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế là cần thiết, phù hợp chủ trương của Đảng, Nhà nước. Do vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhất trí với đề xuất việc báo cáo trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Tài chính để tổng hợp *MUỐT?*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thông đốc NHNN (đề b/c);
- PTD Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, TD, TD2 (NT.Nga). *✓*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 606 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (dự án Nghị quyết). Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Bộ GTVT thống nhất với sự cần thiết xây dựng dự án Nghị quyết nhằm tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần cải thiện đời sống của người nông dân và xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./-_{TS}

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Binh).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Số: 4.2.9/BCT-KHTC

V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Công Thương không có thêm ý kiến bổ sung đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng
Phan Thị Thắng

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BYT-KH-TC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Y tế nhận được công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Y tế có ý kiến như sau:

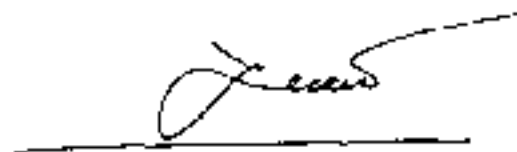
Về cơ bản, Bộ Y tế thống nhất với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm để phù hợp chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Kính đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c),
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH-TC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Đức Luận

**BỘ CÔNG AN
CỤC AN NINH KINH TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 / ANKT-ANTCĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

(Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí (Cục Quản lý))

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 5180	
Ngày: 15-01-2025	
Số và ký hiệu HS:	

Trả lời Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đang quy định: "Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước", đề nghị làm rõ nội dung cần hướng dẫn, quy định chi tiết

2. Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách, đề nghị đối với mỗi chính sách cần đánh giá tác động về kinh tế, tác động về xã hội, tác động về giới, tác động của thủ tục hành chính, tác động đối với hệ thống pháp luật (gồm mặt tích cực, mặt tiêu cực) theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bởi điểm a, b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.


3. Đối với Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đề nghị tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và đánh giá sự phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý.

Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an trao đổi để Bộ Tài chính biết. *✍*

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đ/c Thứ trưởng Phạm Thế Tùng (để báo cáo);
- Đ/c Cục trưởng Nguyễn Đình Thuận (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Công an (để theo dõi);
- Phòng Tham mưu tổng hợp (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANTCĐT).BQK(07c)

**KI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Quang

Đã là Đỗ Quang Phương

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300 /BNV - PC
V/v góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trà lời Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với sự cần thiết xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Đề nghị bổ sung và làm rõ trong Tờ trình nội dung về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết sau khi được ban hành bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Huy;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Huy

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **104** /BT-TT-KHTC

Viv ý kiến đối với hồ sơ xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày **16** tháng **01** năm **2025**

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN S/C	005634
Ngày:	16-01-2025
Chuyến:	Cục - CST
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất với các hồ sơ xây dựng dự án Nghị quyết kèm theo văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính và không có ý kiến khác.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, kính gửi Bộ Tài chính để tham khảo, tổng hợp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hoàng Phương

ĐẠI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/TNVN-VP
V/v góp ý kiến hồ sơ dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2025

ĐẾN	
Số:.....	004685
Ngày: 14-01-2025	
Chuyên: Cục CSĐT.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đại Tiếng nói Việt Nam nhận được Công văn số 13900/BTC-CST, ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Đại Tiếng nói Việt Nam nhất trí với dự thảo hồ sơ trên do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo và không có ý kiến khác.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, VP (KTPC).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Hải Quang

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 365 /BNN-TC

V/v ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình của Chính phủ; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và các báo cáo về: rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp, đánh giá tác động của Bộ Tài chính gửi kèm theo. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính xây dựng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị quý cơ quan tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Hoàng Trung (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TC (02b).

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Bùi Khắc Hiền

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /BTNMT-QHPTND

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2025

V/v ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Quý Bộ về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm, Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính chuyển Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP (TH), QHPTND.

TU. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC QUY HOẠCH
VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN ĐẤT



Đào Trung Chính

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6636 /BLĐTBXH-VPC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

V/v cho ý kiến về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhất trí với hồ sơ dự án Nghị quyết nêu trên.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ đề tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

**BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**



Đảng Cộng Sản Việt Nam
Ban Chấp Hành Trung Ương
Số 10, Hồ Chí Minh
Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /BQLL-VP

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

V/v tham gia góp ý dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDDNN

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và nhất trí với nội dung dự án Nghị quyết trên.

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng báo cáo để Bộ Tài chính tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHIC, T03.



Phạm Hải Trung

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4943 /BHXH-TCKT
V/v tham gia ý kiến dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, gồm: Dự thảo Tờ trình dự án Nghị Quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội; Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi chung là hồ sơ dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cơ bản nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo kèm theo Công văn số 13900/BTC-CST. Đối với những nội dung không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam không có ý kiến tham gia.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



(Handwritten signature)

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2437/UBND-KHTC
Về góp ý vào dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDNN

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, sau khi nghiên cứu Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Ủy ban Dân tộc nhất trí với nội dung của các dự thảo: Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để bc);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



Nông Thị Hà

UBND TỈNH HẬU GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 256 /STC-QLNS

V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thừa ủy quyền của UBND tỉnh Hậu Giang tại Công văn số 7751/VP UBND-NCTH ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham gia góp ý dự thảo dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu và lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang thống nhất với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Kính báo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- T.Đ. VP-QLNS.NTT

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Loan



**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 183/CTBN- HKDCN

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến Dự án Nghị
quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ	7834
Ngày	23-01-2025
Chương	Cục CST
SỐ và ký hiệu HS	

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Căn cứ Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Ninh tại Công văn số 5130/UBND-KTTH ngày 27/12/2024 về việc Giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan, đều nhất trí với nội dung của dự thảo Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2030 đồng thời nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo tờ trình, Nghị quyết và các Báo cáo của Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Bắc Ninh (để Báo cáo);
- Đ/c Cục Trưởng (B/cáo);
- PCT: Nguyễn Văn Vĩnh;
- Lưu: VT, HKDCN (tinhung-5;3).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 543 /UBND-KT
V/v góp ý đối với Dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện công văn số 13900/BTC-CST ngày 01/11/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (Sau đây gọi là dự án Nghị quyết); Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Nghệ An có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung dự án Nghị quyết kèm theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 01/11/2024 của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT (KT) UBND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP (TT) UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Phan An

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 382 /CTHYE-HKDCN

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDDNN.

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Hưng Yên.

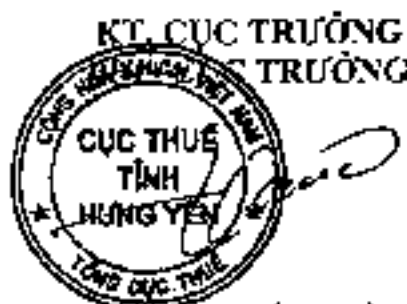
Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Hưng Yên tại Công văn số 3795/UBND-TH ngày 24/12/2024 về việc tham gia dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Hưng Yên đã tổ chức nghiên cứu dự án và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan. Cục Thuế báo cáo kết quả tổng hợp các ý kiến như sau:

Các ý kiến tham gia đều nhất trí với bố cục và nội dung trong các dự thảo (bao gồm: Tờ trình; Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế SDDNN; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế SDDNN với các VBQPPL có liên quan) do Bộ Tài chính soạn thảo.

Cục Thuế tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo./. *Kia*

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - Lưu VT, P.HKDCNTM.



Nguyễn Chiến Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 383 /UBND-TNMT
V/v góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SĐNN

Lào Cai, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài Chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau:

Nhất trí với dự án Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gồm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp và Báo cáo đánh giá tác động theo đề xuất của Bộ Tài chính (*Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, thời gian miễn là 05 năm từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030*).

Trên đây là ý kiến của UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, PCT2;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các sở: TC, TNMT, NN&PTNT;
- Lưu VT, TN1.



Nguyễn Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *427* /UBND-KT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết
của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Trên cơ sở ý kiến của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 377/CTDAN-NVDTPC ngày 16/01/2025, UBND thành phố Đà Nẵng thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2030.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Tài chính. / *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tp (để b/c);
- Cục Thuế;
- Lưu: VT, KT. *TK*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 287 /STC-QLNS

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến đối với dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế,
phí và lệ phí – Bộ tài chính

Bộ Tài chính có Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện Văn bản số 7778/VP.UBND-KTTC ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, đơn vị nghiên cứu đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản nêu trên và có văn bản tham gia gửi Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (Bộ Tài chính).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính Quảng Ninh nhất trí với nội dung dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính Quảng Ninh gửi ý kiến đề Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - Lưu: VT, QLNS_{LK}.
- Vũ Tuấn Lộc
Đào Mạnh Thăng

Q. GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Xứng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 542 /CTBTH-HKDCN

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý hồ sơ xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 7320/VP-TH ngày 27/12/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Bình Thuận về việc góp ý hồ sơ xây dựng dự án Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; theo đó, đã giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, có văn bản góp ý theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN.

Qua tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, cơ bản thống nhất theo nội dung hồ sơ xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, bao gồm: Dự thảo Tờ trình dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo đánh giá tác động Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Bình Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính. / *Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban LD Cục Thuế;
- Lưu: VT, HKDCN (Vũ, 94b). *Qu*



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: SAO/UBND-TH₁

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo hồ sơ
dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN:	Số: 622/B.ĐT
Ngày:	20-01-2025
Chuyển:	Qu. CST
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu dự thảo hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gửi kèm Văn bản số 13900/BTC-CST nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thống nhất với nội dung dự thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định. MU

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LDVP;
- Lưu: VT, TH₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Văn Hợp Hiệp

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: 531 /CTHĐU-HKDCN
Về tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế
SDNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai, thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST của Bộ Tài chính về việc góp ý vào dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến tham gia của các phòng chức năng, Các chi cục Thuế khu vực, thành phố, Cục thuế tỉnh có ý kiến như sau: Nhất trí nội dung của dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.

Cục Thuế tỉnh Hải Dương trân trọng gửi ý kiến đề Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu: VT, HKDCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Tiến

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH LONG AN**

Số: 287 /CTLAN-HKDCN

V/v góp ý về hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN và Công văn số 13531/UBND-KTTC ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh Long An về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu, Cục Thuế tỉnh Long An thống nhất đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Long An kính báo cáo Bộ Tài chính./. *Quow*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- BLLD Cục Thuế;
- Lưu VT, HKDCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Thu Vân
Trần Thị Thu Vân

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 248 /CTBDL-NVDTPC
V/v góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Bình Định, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Công văn số 10322/UBND-TH ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024.

Qua nghiên cứu và lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Cục Thuế tỉnh Bình Định thống nhất dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính biết, tổng hợp. *M*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn

**UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 178 /STC - NS

V/v tham gia ý kiến dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Văn bản số 1081/UBND-VP5 ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết nêu trên.

Sau khi phối hợp với các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình và các đơn vị nhất trí với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Bộ Tài chính././12

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NS.VC (01)



Đinh Nam Thắng

**UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145 /STC-QLNS

Yên Bái, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v: tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sở Tài chính được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ủy quyền về việc tham gia ý kiến vào dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp tại Văn bản số 5006/UBND-TC ngày 20/12/2024.

Sau khi nghiên cứu dự án và tổng hợp ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái nhận thấy chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân để cải thiện, nâng cao đời sống của người nông dân, cùng với đó chính sách miễn giảm thuế cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp đồng thời tạo công ăn việc làm cho khu nông thôn, nâng cao thu nhập của nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó Sở Tài chính tỉnh Yên Bái nhất trí với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (BC)
- Lưu: VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Chu Hoàng Sơn

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 409 /CT-NVDTPC

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 19081/UBND-KTTC ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN). Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thống nhất với hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN.

Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có ý kiến tham gia đối với hồ sơ Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN báo cáo Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ cục Thuế (b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Hồng Phúc

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 279 /STC-GCSDN

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 7758/VP-KT ngày 20/12/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng đã phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nghiên cứu hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (gọi tắt là hồ sơ dự án Nghị quyết) gửi kèm theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN. Sở Tài chính tổng hợp kết quả góp ý từ các cơ quan. Thống nhất với hồ sơ dự án Nghị quyết nêu trên.

Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng gửi ý kiến đến Bộ Tài chính để tổng hợp *đm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc;
- Lưu VP, GCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Kim Huy

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145 /CIHTI-NVDTPC
V/v góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính và Văn bản số 7825/UBND-TH₂ ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

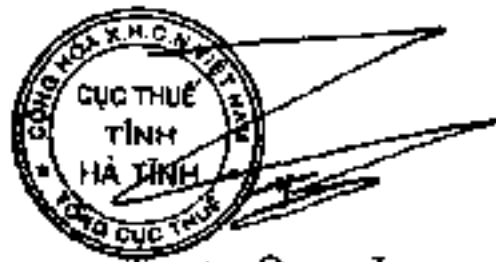
Được sự ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh, sau khi nghiên cứu các nội dung dự án Nghị quyết và tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, tỉnh Hà Tĩnh thống nhất các nội dung trong hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội.

Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC.

CỤC TRƯỞNG



Trương Quang Long

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 175 /CTPHY-NVDTPC

Phú Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính


Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Phú Yên tại Công văn số 8138/UBND-KT ngày 20/12/2024 về việc tham gia góp ý về dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, theo đó giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham gia góp ý và có văn bản gửi Bộ Tài chính theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế đã triển khai lấy ý kiến trong toàn ngành và các cơ quan có liên quan, kết quả cơ bản tổng nhất với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Đồng thời có ý kiến góp ý như sau:


- Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết, xem xét điều chỉnh căn cứ thứ 2 thành: "*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13*", "*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14*" và điều chỉnh căn cứ thứ 3 thành "*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13*", "*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14*".

- Xem xét bổ sung tiêu đề của Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước và thống nhất với cách trình bày của Nghị quyết số 107/2020/QH14, theo đó có thể theo hướng "*Điều 1. Thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp*", "*Điều 2. Hiệu lực thi hành*".

- Xem xét tách nội dung Điều 2 thành 02 khoản để thể hiện rõ hiệu lực thi hành của Nghị quyết và nội dung giao Chính phủ thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Phú Yên báo cáo Bộ Tài chính biết và tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu VT, NVDTPC (3b) .



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Ksor Kut

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157 /CTĐLA-NVDTPC
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của Quốc hội

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu, Cục Thuế thống nhất với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (bao gồm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động) gửi kèm Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính.

Với nội dung trên, Cục Thuế gửi ý kiến đề Bộ Tài chính được biết!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC (02b).



**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CÀ MAU**

Số: 78 /CTCMA-NVDTPC

V/v ý kiến đóng góp dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 10954/UBND-KT ngày 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Cục Thuế nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội như đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Cà Mau xin có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu nội dung dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gồm: dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; dự thảo Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính; Báo cáo đánh giá tác động Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính, Cục Thuế thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.

Cục Thuế tỉnh Cà Mau xin báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Cà Mau (thay báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, NVDTPC (4b).



CỤC TRƯỞNG

Châu Vĩnh Thuận

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM**

Số: 125 /CTHNA-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế
SDĐNN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tại Công văn số 4703/VPUB-KT ngày 21/12/2024 về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN.

Sau khi tổ chức triển khai nghiên cứu nội dung đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến UBND các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, Ngành, đơn vị có liên quan, Cục Thuế tỉnh Hà Nam tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN như sau:

Nhất trí với nội dung hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Hà Nam (để báo cáo);
- Cục trưởng;
- PCT. Nguyễn Văn Dương;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Dương

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CAO BẰNG**

Số: 124 /CTCBA-NVDTPC
V/v góp ý về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính, Công văn số 3561/UBND-TH ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan nghiên cứu và góp ý đối với hồ sơ Tờ trình dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan và qua nghiên cứu hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Cao Bằng nhất trí với hồ sơ dự án Nghị quyết, không có đề xuất sửa đổi, bổ sung.

Cục Thuế tỉnh Cao Bằng báo cáo Bộ Tài chính được biết. LL-

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC (06)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Mẫn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 32 /UBND-VP6

V/v tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SDDNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định có ý kiến như sau:

Nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội (do Bộ Tài chính soạn thảo).

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6

Phó

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phó
Hà Lan Anh

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. CẦN THƠ**

Số: 375 /CTCTH-NVDTPC
V/v có ý kiến dự án Nghị quyết của
Quốc Hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp.


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân thành phố giao Cục Thuế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, góp ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024). Về vấn đề này, Cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các đơn vị có liên quan, Cục Thuế thành phố Cần Thơ thống nhất với nội dung dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế thành phố Cần Thơ kính báo cáo Bộ Tài chính. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP "để báo cáo";
- Lưu VT, NVDTPC (2).



Phan Tiến Lân

**UBND TỈNH SƠN LA
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 244 /STC-QLNS
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị
quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Sơn La, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi : Bộ Tài chính

Thực hiện công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến vào dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 5970/UBND-TH ngày 20/12/2024.

Căn cứ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính nhất trí với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Trân trọng đề nghị Bộ Tài chính xem xét tổng hợp, trình Quốc Hội ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (để b/c)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu VT, QLNS, Toán 2b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thế Hương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 287 /UBND-NN
V/v đóng góp dự thảo Nghị quyết
của Quốc hội về kéo dài thời hạn
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Trà Vinh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Trên cơ sở kiểm tra, rà soát, đề xuất của các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo đến Bộ Tài chính nắm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LDVP; các Phòng: KY, THNV;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH,
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 165/STC-QLNS

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tiếp nhận Công văn số 3146/VPUBND-KT ngày 20/12/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; trong đó, có giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế Tỉnh, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị, địa phương nghiên cứu nội dung dự thảo, gửi Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và tổng hợp ý kiến của đơn vị có liên quan, Sở Tài chính thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (b/c)
- Giám đốc Sở;
- Các Phó GD Sở;
- Lưu: VP, QLNS(ĐK)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tâm

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 175 /CTQG-HKDCN
Về góp ý đối với dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 5143-ĐT..

Ngày: 23-01-2025

Chuyên.....*Qu., CST*.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 7039/UBND-KTTH ngày 26/12/2024 về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024).

Qua nghiên cứu nội dung dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (gửi kèm theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024), tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ngành và địa phương; thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.

Kính đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo),
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, HKDCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đinh Thiên Khanh

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71 /CTHGI-NVDTPC
Về việc tham gia ý kiến hồ sơ trình
Chính phủ đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Hà Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính và văn bản số 4259/UBND-KTTH ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Về việc tham gia ý kiến hồ sơ trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các ngành, các Chi cục Thuế và các phòng chuyên môn thuộc Cục thuế, cho thấy: Dự thảo Nghị Quyết Về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội và các tài liệu do Bộ Tài chính tham mưu soạn thảo..

Các ý kiến đều nhất trí với Dự thảo, không có ý kiến bổ sung.

Cục Thuế trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng UBND tỉnh (B/c);
- Lưu VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Vũ Đình Kiên

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123 /CTTGT-HKDCN

Tiền Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2025

V/v lấy ý kiến về dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

Thực hiện công văn số 8216/UBND-KT ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và các báo cáo đánh giá kèm theo. Cục Thuế tỉnh Tiền Giang nhận thấy chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được thực hiện trong thời gian qua mang lại nhiều lợi ích như góp phần cải thiện nâng cao đời sống nông dân, khuyến khích tổ chức cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, từ đó tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Tiền Giang thống nhất hoàn toàn với dự án, không có đóng góp ý gì thêm đối với nội dung dự thảo hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang về việc góp ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HKDCN (3b).

**CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC THUẾ
TỈNH
TIỀN GIANG**
Nguyễn Quốc Sơn

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /STC-QLNS

Lai Châu, ngày 15 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính


Thực hiện Công văn số 5165/LBND-KTN ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia góp ý đối với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính có ý kiến như sau.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính nhất trí với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC

Phạm Quý Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 70 /UBND-HCQT

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số: <u>4979-1507</u>	
Ngày	<u>16-01-2025</u>
Chuyển:.....	<u>Cục Thuế</u>
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhất trí với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TNMT, NNPTNT, TP;
- Cục Thuế tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thống tin;
- Lưu VT, HCQT(MTIF).



**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Hà Minh Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 438 / UBND-KT

Tây Ninh, ngày 14 tháng 01 năm 2025

V/v ý kiến về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 8/12/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu UBND tỉnh Tây Ninh thống nhất với dự thảo.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - LĐVP;
 - Lưu: VT, VP UBND tỉnh.
- Dương Văn Thống 2024/91 CVUB

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thống

PA

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96 /CTBCA-NVDTPC
Về tham gia ý kiến đối với dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 01 năm 2025

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀN Số: *4746-BTTTT*

Ngày 15-01-2025

Chuyên: *Cục VAT*

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện chỉ đạo tại Văn bản số 13900/BTC-CSI ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Văn bản số 9614/UBND-TH ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung các Văn bản chỉ đạo, Cục Thuế đã có Văn bản số 2681/CTBCA-NVDTPC ngày 30/12/2024 gửi các Sở, ngành, địa phương; Văn bản số 2679/CTBCA-NVDTPC ngày 30/12/2024 gửi Chi cục Thuế các huyện, khu vực và các phòng chuyên môn để nghị phối hợp tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên cơ sở ý kiến tham gia, Cục Thuế đã tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, địa phương; Chi cục Thuế các huyện, khu vực và các phòng chuyên môn. Tất cả ý kiến tham gia đều nhất trí dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, không có ý kiến bổ sung, do việc miễn thuế SĐNN chỉ thực hiện cho từng giai đoạn nhất định. Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐNN là phù hợp.

Cục Thuế kính báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn kết quả tổng hợp ý kiến tham gia về nội dung dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, NVDTPC (Vượng 01 bản).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Việt Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 258/UBND-TH

Vinh Long, ngày 13 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp,

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long thống nhất nội dung hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp kèm theo Công văn số 13900/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, 38.TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Số: 479 /UBND-VP

V/v góp ý dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ngày 18/12/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 13900/BTC-CST về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 209/CTBRV-NVD/PC ngày 10/01/2025, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cơ bản thống nhất dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH7

**KT. CHỦ TỊCH
THÓ CHỦ TỊCH** 

Trần Ngọc Khánh



QUỐC HỘI
TỈNH KHÁNH HÒA
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Số: 455/UBND-KT
Ngày ký: 13/01/2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 455 /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, UBND tỉnh Khánh Hòa có ý kiến như sau:

Qua việc nghiên cứu hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, UBND tỉnh Khánh Hòa thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, TL, HL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

Số: 182 /CTBGI-HKDCN

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tại Công văn số 7449/UBND-KTTH ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, đóng góp ý kiến đối với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tổng hợp các ý kiến tham gia như sau:

Nhất trí với bố cục, nội dung của các báo cáo, tờ trình, đề cương dự thảo Nghị quyết, các phương án lựa chọn của Bộ Tài chính liên quan đến miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 là phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là ý kiến góp ý của các đơn vị, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính và UBND tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Lưu: VT, HKDCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Hùng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 296 /CTQNA-NVDTPC
V/v tham gia góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Quảng Nam, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện theo Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 9968/UBND-KTTH ngày 23/12/2024 về việc giao Cục Thuế chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gửi Bộ Tài chính (thay UBND tỉnh).

Qua nghiên cứu, Cục Thuế tỉnh Quảng Nam thống nhất hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét tổng hợp *Nguyễn Xuân*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (đáo cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Xuân

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KIÊN GIANG**
Số: 29 /CTKGI-NVDTPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

V/v góp ý kiến dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SDĐNN

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 12577/VP-KT ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc góp ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Kiên Giang đã thực hiện tổ chức triển khai đến các phòng chức năng để lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, hồ sơ gồm: Dự thảo tờ trình; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Qua tổng hợp các ý kiến đóng góp, Cục Thuế tỉnh Kiên Giang thống nhất với hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và không có ý kiến gì khác.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Kiên Giang (b/c);
- Ban lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC, NVTAL.



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Châu Thanh Sử

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 113UBND-TH

Bạc Liêu, ngày/0 tháng 0/năm 2025

V/v góp ý Dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thống nhất với nội dung dự thảo nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xin báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c VT);
- Lưu: VT, DT (CV03).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHỤ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Trung Vi

**UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94 /STC-NS
V/v góp ý hồ sơ Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 5479/VPUB-KTTT ngày 23/12/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản của Bộ tài chính;

Căn cứ Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN;

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị UBND Thành phố Phan rang - Tháp Chàm (Văn bản số 7095/UBND-TCKH ngày 30/12/2024), UBND huyện Ninh Sơn (Văn bản số 6080/UBND-KT ngày 31/12/2024), UBND Huyện Ninh Hải (Văn bản số 44/UBND-TCKH ngày 04/01/2025), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận (Văn bản số 5339/SNNPTNT-KH ngày 30/12/2024), UBND huyện Thuận Bắc (Văn bản số 6608/UBND-KT ngày 30/12/2024),

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Thông nhất nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, đính kèm Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính.

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính biết, tổng hợp theo chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo).
- Lưu VT, NS.sqr



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhựt

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4589/STC-QLNS

Bình Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	2184
Ngày:	07-01-2025
Chuyên:	Cục CST
Số và ký hiệu:	HS:

Căn cứ Công văn số 7313/UBND-KT ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Căn cứ Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (dự án Nghị quyết),

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Bình Dương thống nhất với nội dung dự án Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Bình Dương gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLNS, LQT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **8061/UBND-STC**

Đắk Nông, ngày **30** tháng **12** năm **2024**

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thống nhất với nội dung dự thảo "Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội", do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**TUO. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**



**CHÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Nguyễn Hồng Quang**

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3872/STC-QLNS

Thái Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	119999/ĐĐT
Ngày:	02-01-2025
Chuyến:	Cục CĐT
Số và ký hiệu LIS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính,

Ngày 18/12/2024, Bộ Tài chính có Văn bản số 13900/BTC-CST về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại Văn bản số 5044/UBND-KT ngày 23/12/2024 về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: *Giao và ủy quyền cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024.*

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính Thái Bình nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính Thái Bình trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- UBND tỉnh (để báo cáo),
- Đ/c Giám đốc Sở (để báo cáo),
- Lưu VT, QLNS

A. CQT

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hà

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5117 /CTQBI-NVDTPC
V/v góp ý hồ sơ dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế SDĐNN.

Quảng Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến chỉ đạo về việc lấy ý kiến đối với dự thảo của UBND tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 6339/VPUBND-TH ngày 20/12/2024.

Qua nghiên cứu, Cục Thuế tỉnh Quảng Bình nhất trí với hồ sơ dự thảo trình dự án Nghị quyết của Quốc Hội về Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Cục Thuế tỉnh Quảng Bình kính báo cáo Bộ Tài chính theo quy định. / *lml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh QB (để BC),
- Lưu: VT, NVĐTPC (01).



**KT. CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Vũ Văn Sơn

34

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7039**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 12 năm 2024

V/v tham gia ý kiến
về dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi:

- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN SỐ: 48822 : BĐT
Ngày: 30 / 12 / 2024
Chuyển: Cục Thuế
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện nội dung Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (văn bản được gửi liên thông trên hệ thống Ioffice), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

A. Luật

1. UBMTTQ Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ rà soát và tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (kèm theo Công văn số 13900/BTC-NSNN ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính), gửi Cục Thuế tỉnh trước ngày 08/01/2025.

2. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị và địa phương, Cục Thuế tỉnh rà soát, tổng hợp, tham gia góp ý dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên; trực tiếp gửi Bộ Tài chính và báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính; ✓
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(KTTH);
- Công TY-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH/rens52

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
HỘI QUẢN VĂN PHÒNG**



Hà Thị Lê Vân

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 406 /MTTW-BTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án
Nghị quyết của Quốc hội

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 6331.....
Ngày:	20-01-2025
Chuyên:	Quản lý Thuế
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội: Dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị quyết, Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp, Báo cáo đánh giá tác động;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thông tin để Bộ Tài chính tiếp tục hoàn thiện dự thảo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UB TW MTIQ Việt Nam (để b/c);
- Ban Thường trực UB TW MTIQ VN (để b/c);
- Trợ lý, Thư ký, Giúp việc Chủ tịch;
- Lưu: VT, BVDXH.

TL. BAN THƯỜNG TRỰC
TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM



Cao Xuân Thọ

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282 /CTHPH-HKDCN

Hải Phòng, ngày 23 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi:


- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:.....	9519.....
Ngày	04-02-2025
Địa điểm:	Qu. 05T.....
Số và ký hiệu HS:


Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 110/VP-TCNS ngày 06/01/2025 về việc tham gia ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Về nội dung này, Cục Thuế thành phố báo cáo như sau:

Ngày 13/01/2025, Cục Thuế thành phố đã có Công văn số 127/CTHPH-HCNKD gửi kèm tờ trình, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội xin ý kiến tham gia của các Sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP Hải Phòng, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố vào dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Đến hết ngày 21/01/2024 Cục Thuế nhận được 03 ý kiến tham gia bằng văn bản (UBND quận Ngô Quyền, UBND huyện Tiên Lãng, Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng), các đơn vị khác không có ý kiến tham gia. Tổng hợp các ý kiến tham gia đều nhất trí với Dự thảo 2 Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Cục Thuế thành phố Hải Phòng báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố kết quả tham gia vào dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HKDCN (4b) 



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc - lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 445 /BGDDĐT-KHTC

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn, thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phục đáp Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) có ý kiến như sau:

Để tiếp tục mục tiêu chế độ chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ GDĐT thống nhất sự cần thiết ban hành Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14. Bộ GDĐT không quản lý đất nông nghiệp, do đó không có ý kiến đối với những nội dung cụ thể dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến của Bộ GDĐT, kính gửi: Quý Bộ tổng hợp, báo cáo.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Chuan

Đạm Ngọc Thường

**UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161 /STC-QLNS

Phú Thọ, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến về dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 5636/UBND-KTTH ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Căn cứ Văn bản số 57/CTPTH-NVDTPC ngày 09/12/2025 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính tham gia ý kiến như sau:

1. Về nội dung tham gia ý kiến:

- Tại Báo cáo Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (trang 4) ghi:

"...Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây: ..."

- Đề nghị sửa như sau:

"...Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2024) quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây: ..."

- Lý do: Hiệu lực thi hành của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024.

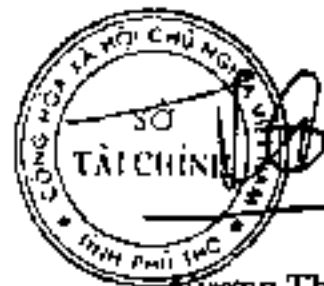
2. Các nội dung khác: Nhất trí với dự thảo về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Giám đốc;
- Lưu: VT+ NS;

GIÁM ĐỐC



Vương Thị Bấy

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 183/CUBNI-HKDCN

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

V/v tham gia ý kiến Dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	7834
Ngày:	23-01-2025
Chức vụ:	Cục CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Căn cứ Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDNN;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Ninh tại Công văn số 5130/UBND-KTTH ngày 27/12/2024 về việc Giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan, đều nhất trí với nội dung của dự thảo Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2030 đồng thời nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo tờ trình, Nghị quyết và các Báo cáo của Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Tài chính. *TR*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Bắc Ninh (để Báo cáo);
- Đ/c Cục Trưởng (B/cáo);
- PCT: Nguyễn Văn Vĩnh;
- Lưu: VT, HKDCN (tínhung-5;3). *Rhyn*

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1369 /UBND-ND

Huế, ngày 10 tháng 02 năm 2025

V/v tham gia góp ý dự thảo dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN SỐ: 11453-BP

Ngày: 13-02-2025

Chuyên: Cục... CST...

Số và ký hiệu HS:.....

UBND thành phố Huế nhận được Công văn số 13900/BTC-CST ngày 18/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (đính kèm tài liệu gồm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động).

Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Huế thống nhất với nội dung dự thảo hồ sơ dự án Nghị quyết nêu trên.

UBND thành phố Huế kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- VP: CVP và các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, ĐC, ND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 722 /BKHĐT-TCTT
V/v lấy ý kiến về dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp văn bản số 13900/BTC-CST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Tại dự thảo Tờ trình, Bộ Tài chính đã đánh giá chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp qua hơn 30 năm triển khai, đến nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, trong đó có những bất cập của chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất nông nghiệp tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội. Tuy nhiên, tại dự thảo Bộ Tài chính vẫn đề xuất ban hành Nghị quyết của Quốc hội kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính làm rõ các nội dung của chính sách miễn tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp không còn phù hợp và đề xuất nội dung cần điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về đất đai, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Đề nghị Bộ Tài chính rà soát các đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đảm bảo phù hợp với Luật Đất đai và các quy định có liên quan.

Trên đây là các ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT, Vụ TCTT.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG
Trần Quốc Phương
Trần Quốc Phương

Số: 54 /CTĐT-ĐLĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 9168
Ngày 03-02-2025	
Chuyên: Quy. DT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, có một số ý kiến góp ý đối với dự thảo (tại file đính kèm). Cổng Thông tin điện tử Chính phủ xin gửi Bộ Tài chính ý kiến góp ý này. Đề nghị quý Bộ có văn bản gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ cho biết về việc tiếp thu hoặc giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo này. *th*

Nơi nhận:

- Nạn nêu;
- VECP, Vụ KTTT, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT, PH

TÔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm



TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA NHÂN DÂN

Đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội

(gửi kèm theo công văn số 54- /TTĐT-DLĐT ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Công Thông tin điện tử Chính phủ)

1. **Bạn đọc:** Lê Hoàng Phát; địa chỉ: Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; email: phatle1882005@gmail.com góp ý:

i. Đồng ý kéo dài miễn thuế nhưng cần có điều kiện rõ ràng.

Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là một chính sách quan trọng, góp phần hỗ trợ người dân, đặc biệt là các hộ nông dân gặp khó khăn, từ đó khuyến khích phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng nông sản. Tuy nhiên, việc kéo dài miễn thuế toàn diện cũng tiềm ẩn những hệ lụy như lãng phí đất đai, sử dụng không hiệu quả, hoặc làm thất thu ngân sách nhà nước.

Do đó, tôi đề xuất rằng:

- Chỉ áp dụng miễn thuế đối với những trường hợp sau:
 - _ Đất đang được sử dụng đúng mục đích nông nghiệp.
 - _ Chủ sở hữu đất nông nghiệp có hoạt động sản xuất thực tế và hiệu quả.
 - _ Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện khó khăn hoặc ở vùng sâu, vùng xa.
- Loại trừ các trường hợp không được miễn thuế:
 - _ Đất bỏ hoang, không sản xuất trong thời gian dài.
 - _ Đất bị chuyển nhượng sai mục đích hoặc không có giấy tờ hợp lệ.
 - _ Đất thuộc sở hữu của các tổ chức lớn nhưng không mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân.

2. Cần tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng đất.

Để đảm bảo chính sách miễn thuế phát huy hiệu quả, Nhà nước nên:

- _ Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát minh bạch về việc sử dụng đất nông nghiệp.
- _ Áp dụng công nghệ hiện đại như bản đồ số, dữ liệu vệ tinh để theo dõi diện tích đất được miễn thuế.
- _ Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt là những trường hợp đầu cơ đất hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái phép.

3. Hỗ trợ người nông dân bằng các chính sách khác thay vì miễn thuế toàn diện.

Ngoài chính sách miễn thuế, Nhà nước có thể cân nhắc triển khai các hình thức hỗ trợ khác, như:

- _ Cung cấp vay vốn ưu đãi cho nông dân để đầu tư sản xuất.
- _ Hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- _ Đào tạo, hướng dẫn nông dân sử dụng đất hiệu quả và phát triển bền vững.

Việc kéo dài miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là một chính sách có ý nghĩa tích cực nhưng cần được điều chỉnh để phù hợp với thực tế. Tôi hy vọng ý kiến này sẽ góp phần giúp cơ quan chức năng xây dựng chính sách công bằng, hiệu quả và bền vững hơn.

2. Bạn đọc: Trần Trọng Nghĩa; địa chỉ: Cà Mau; email: nghia3877@gmail.com góp ý:

Người dân ở nông thôn một số vùng miền vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy tôi kiến nghị miễn thuế tới năm 2040 đối với đất sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp.

3. Bạn đọc: Trần Anh Khoa; địa chỉ: 23/30 đường số 147, Phường Long B Thành phố Hồ Chí Minh; email: titranniamai@gmail.com góp ý:

1. Kéo dài miễn thuế kèm điều kiện sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp:

Chính sách kéo dài miễn thuế là hợp lý nhằm hỗ trợ nông dân và phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, cần bổ sung quy định về việc sử dụng đất nông nghiệp đúng mục đích, tránh tình trạng bỏ hoang đất hoặc sử dụng sai mục đích gây lãng phí nguồn lực.

2. Hỗ trợ đối tượng ưu tiên:

Cần ưu tiên miễn thuế cho các đối tượng khó khăn như hộ nông dân nhỏ lẻ, hợp tác xã nông nghiệp, hoặc các vùng nông thôn khó khăn để đảm bảo sự công bằng và hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững.

3. Đánh giá hiệu quả định kỳ:

Đề xuất thực hiện đánh giá định kỳ (ví dụ 2-3 năm/lần) về hiệu quả của chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Báo cáo đánh giá nên xem xét tác động đến kinh tế nông nghiệp, đời sống nông dân, và hiệu quả sử dụng đất.

4. Hỗ trợ các dự án nông nghiệp công nghệ cao:

Miễn thuế có thể đi kèm với ưu đãi đặc biệt cho các cá nhân/tổ chức đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, hoặc các dự án giúp gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

Rất mong Bộ Tài chính xem xét và điều chỉnh Nghị quyết để chính sách đạt hiệu quả cao hơn trong thực tiễn.

Trân trọng!
dkw